

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Trang bị hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản đối với máy biến áp chính T2 và máy biến áp tự dùng NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 442 /QĐ-ĐLTK ngày 25/6 /2026

Bên mời thầu: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kiên

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
MÔ TẢ TÓM TẮT	2
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	3
PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU	4
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	4
CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU	24
CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT.....	27
<i>Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT.....</i>	<i>27</i>
<i>Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm</i>	<i>27</i>
<i>Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:</i>	<i>33</i>
<i>Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về tài chính - Phương pháp giá thấp nhất.</i>	<i>38</i>
CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU	41
PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP	69
CHƯƠNG V. PHẠM VI CUNG CẤP	69
PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	69
CHƯƠNG VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	79

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn Nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
TCDG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
TBMT	Thông báo mời thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
Nhà sản xuất	Là nhà sản xuất hàng hóa
Nhà sản xuất gốc	là nhà sản xuất trực tiếp phụ tùng hoặc nhà thiết kế và sản xuất tích hợp cụm thiết bị đó
Nhà sản xuất tương đương	Là nhà sản xuất có khả năng sản xuất phụ tùng, thiết bị tương đương
Incoterms 2010	Quy tắc chính thức của Phòng Thương mại quốc tế giải thích các điều kiện thương mại năm 2010
Giá CIF, CIP, EXW ...	Giá của hàng hóa được xác định dựa trên điều kiện giao hàng tương ứng theo giải thích của Incoterms
PV Power	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
PV Power Ha Tinh	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.
VND	Đồng Việt Nam
USD	Đồng đô la Mỹ

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng</p>	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn Nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</p> <p>1.2. Tên gói thầu; số hiệu, số lượng các Lô (trường hợp gói thầu chia thành nhiều Lô độc lập) thuộc gói thầu quy định tại BDL.</p> <p>1.3. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại BDL.</p>
<p>2. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.</p>
<p>3. Hành vi bị cấm</p>	<p>3.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>3.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> <p>3.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;</p> <p>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;</p> <p>c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.</p> <p>3.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;</p> <p>b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu;</p> <p>c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDT làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu.</p> <p>3.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p>

b) Các hành vi cản trở đối với Nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

3.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là Nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn Nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hoá do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

e) Áp dụng hình thức lựa chọn Nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMT;

h) Chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các Nhà thầu.

3.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định của Pháp Luật

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;

	<p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSĐT của Bên mời thầu và trả lời của Nhà thầu trong quá trình đánh giá HSĐT trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của Nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn Nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn Nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn Nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật.</p> <p>3.8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho Nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của Nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để Nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của Nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của Nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng.</p> <p>3.9. Tổ chức lựa chọn Nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của Nhà thầu.</p>
<p>4. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu</p>	<p>Mọi tổ chức, đơn vị có ngành nghề kinh doanh xuất, nhập khẩu, kinh doanh máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, dịch vụ...phù hợp với hàng hóa, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đều được tham dự đấu thầu. Tuy nhiên, tổ chức, đơn vị tham gia đấu thầu phải bảo đảm và tuân thủ các tiêu chí sau:</p> <p>4.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>4.2. Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>4.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;</p> <p>4.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>4.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>4.6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định</p>

15/10

	tại BDL .
5. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan	<p>5.1. Tất cả các hàng hóa, dịch vụ và dịch vụ liên quan được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.</p> <p>5.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế.</p> <p>Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.</p> <p>Thuật ngữ “các dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ ...</p> <p>5.3. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 5.1 CDNT, Nhà thầu cần nêu rõ xuất xứ của hàng hoá, ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hoá và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá theo quy định tại BDL.</p>
6. Nội dung của HSMT	<p>6.1. HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 8 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Phạm vi cung cấp. <p>Phần 3. Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 8 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do Nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn</p>

	bị lập HSDT của mình bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSMT.
7. Làm rõ HSMT	<p>7.1. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 8 CDNT.</p> <p>7.2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p>
8. Sửa đổi HSMT	Trường hợp sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì Bên mời thầu phải gia hạn thời điểm đóng thầu.
9. Chi phí dự thầu	Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của Nhà thầu.
10. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa Nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu gửi bổ sung.
11. Thành phần của HSDT	<p>11.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 12 CDNT;</p> <p>11.2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp Nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;</p>

	<p>11.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT;</p> <p>11.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của Nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT;</p> <p>11.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 20.3 CDNT;</p> <p>11.6. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu theo quy định tại Mục 17 CDNT;</p> <p>11.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 16 CDNT;</p> <p>11.8. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 12 và Mục 14 CDNT;</p> <p>11.9. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 13 CDNT;</p> <p>11.10. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.</p>
12. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu phải lập đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.
13. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	<p>13.1. Trường hợp HSMT có quy định tại BDL về việc Nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>13.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và Nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp và các thông tin liên quan khác.</p>
14. Giá dự thầu và giảm giá	<p>14.1. Giá dự thầu là giá do Nhà thầu ghi trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</p> <p>14.2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.1 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ” theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.</p> <p>Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” Nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà thầu đã phân bổ giá của hàng hoá, dịch vụ này vào các hàng hoá, dịch vụ khác thuộc gói thầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong mỗi Bảng giá, Nhà thầu phải chào theo quy định tại BDL.</p>

	<p>14.3. Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi trực tiếp vào đơn dự thầu, Nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ”.</p> <p>14.4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT, trường hợp Nhà thầu có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó theo quy định tại Mục 27 CDNT.</p> <p>Giá dự thầu của Nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>14.5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều Lô độc lập và cho phép dự thầu theo từng Lô như quy định tại BDL thì Nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều Lô của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong Lô mà mình tham dự. Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá, phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cụ thể cho từng Lô theo Mục 14.3 CDNT.</p> <p>14.6. Trường hợp Nhà thầu phát hiện khối lượng của các hạng mục công việc nêu trong cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ” chưa chính xác so với thiết kế hoặc yêu cầu nêu tại Mục 1 Phần 2 – Yêu cầu phạm vi cung cấp, Nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.</p>
<p>15. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán quy định tại BDL.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</p>	<p>16.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng hàng hóa mà Nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V – Phạm vi cung cấp.</p> <p>16.2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương</p>

Handwritten mark

	<p>V – Phạm vi cung cấp.</p> <p>16.3. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng... cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại BDL sau khi hàng hóa được đưa vào sử dụng.</p> <p>16.4. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalo do Bên mời thầu quy định tại Chương V – Phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalo khác miễn là Nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V – Phạm vi cung cấp.</p>
<p>17. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu</p>	<p>17.1. Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.</p> <p>Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, khi nộp HSDT nếu Nhà thầu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển đã được đánh giá thì Nhà thầu phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình; trường hợp năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu không có sự thay đổi thì Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.</p> <p>17.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của Nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại BDL.</p>
<p>18. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</p>	<p>18.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các Nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu Nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu Nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của Nhà thầu không được xem xét tiếp và Nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>

19. Bảo đảm dự thầu

19.1 Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu dưới 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 19.7 CDNT. Nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp HSDT. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 18.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 19.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 19.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 19.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 19.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

19.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại BDL.

19.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 19.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B Chương IV).

19.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối

	<p>với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>19.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu cho Bên mời thầu:</p> <p>a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có văn bản rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT; - Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 34.1 CDNT; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39 CDNT; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự. <p>19.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>19.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 19.2 CDNT dưới 50 triệu đồng, nhà thầu không phải xuất trình thư bảo lãnh theo quy định tại Mục 19.1 CDNT. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cam kết nếu được mời vào thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 19.5 CDNT thì phải nộp một khoản tiền bằng giá trị quy định tại Mục 19.2 CDNT. Trường hợp nhà thầu từ chối nộp tiền theo yêu cầu của bên mời thầu, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 19.5 CDNT sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
20. Thời điểm	20.1. Nhà thầu nộp HSDT thông qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

đóng thầu	<p>trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>20.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và Nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
21. Nộp HSDT	<p>Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p>
22. Rút, thay thế và sửa đổi HSDT	<p>22.1. Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi bên mời thầu thực hiện sửa đổi HSDT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới phù hợp với HSDT đã được sửa đổi.</p> <p>22.2. Nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu và Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu.</p> <p>22.3. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
23. Mở thầu	<p>23.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có từ 02 nhà thầu nộp HSDT thì Bên mời thầu mở thầu ngay mà không phải xử lý tình huống theo quy định. Trường hợp chỉ có 01 nhà thầu hoặc không có nhà thầu nộp HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc xử lý tình huống hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>23.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Bên mời thầu; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDT; - Thời gian thực hiện hợp đồng; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>24. Bảo mật</p>	<p>24.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các Nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn Nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của Nhà thầu này cho Nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.</p> <p>24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNT và thương thảo hợp đồng, Nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu.</p>
<p>25. Làm rõ HSDT</p>	<p>25.1. Sau khi mở thầu, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu. Trường hợp HSDT của Nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm (trong đó bao gồm cả giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác, nếu HSMT có quy định) thì Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của Nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>25.2. Việc làm rõ HSDT giữa Nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>25.3. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>25.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và Nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của Nhà thầu theo HSDT nộp</p>

	<p>trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>25.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.</p>
<p>26. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p> <p>26.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>26.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>26.3. “Bỏ sót nội dung” là việc Nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<p>27. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p>	<p>27.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT.</p> <p>27.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của Nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của Nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSMT.</p> <p>27.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 16 và Mục 17 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>27.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>28. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>28.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung trong HSDT.</p> <p>28.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu có</p>

	<p>thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu. Nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDT của Nhà thầu có thể sẽ bị loại.</p> <p>28.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<p>29. Nhà thầu phụ</p>	<p>29.1. Nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ kê khai theo Mẫu số 17(a) Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của Nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của Nhà thầu chính (trừ trường hợp HSMT quy định được phép sử dụng Nhà thầu phụ đặc biệt). Bản thân Nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ).</p> <p>Trường hợp trong HSDT, nếu Nhà thầu chính không đề xuất sử dụng Nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng Nhà thầu phụ thì được hiểu là Nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát hiện việc sử dụng Nhà thầu phụ thì Nhà thầu chính sẽ được coi là vi phạm hành vi “chuyển nhượng thầu” theo quy định tại Mục 3 CDNT.</p> <p>29.2. Nhà thầu chính không được sử dụng Nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng Nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng Nhà thầu phụ, ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT mà chưa được Chủ đầu tư chấp thuận được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p> <p>29.3. Chủ đầu tư có thể cho phép Nhà thầu chính sử dụng Nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại BDL. Trong trường hợp này, Nhà thầu chính phải kê khai danh sách Nhà thầu phụ đặc biệt. Bên mời thầu sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu phụ đặc biệt</p>

	<p>theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại HSMT. Trường hợp Nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của HSMT và Nhà thầu chính có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho Nhà thầu phụ đặc biệt thì HSDT của Nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSMT.</p>
<p>30. Ưu đãi trong lựa chọn Nhà thầu</p>	<p>30.1. Nguyên tắc ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên.</p> <p>30.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng HSDT: Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi Nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong giá hàng hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây: $D (\%) = G^*/G (\%)$ Trong đó: - G*: Là chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có); - G: Là giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế; - D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. $D \geq 30\%$ thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục này.</p> <p>30.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại BDL.</p> <p>30.4. Trường hợp hàng hoá do các Nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p>
<p>31. Đánh giá HSDT</p>	<p>31.1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá các HSDT. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p>31.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT: a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; b) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.</p> <p>31.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.</p> <p>31.4. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá:</p>

	<p>a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 4 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>31.5. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng Nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Việc xếp hạng Nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL.</p> <p>31.6. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều Lô độc lập và cho phép dự thầu theo từng Lô theo quy định tại Mục 14.5 CDNT thì việc đánh giá HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT tương ứng với Lô tham dự thầu của Nhà thầu.</p>
<p>32. Đối chiếu tài liệu và Thương thảo hợp đồng</p>	<p>32.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (thư bảo lãnh bằng văn bản giấy);</p> <p>b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 14 phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong HSDT;</p> <p>e) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>32.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là cố hành vi gian lận.</p> <p>32.3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p>

- a) Báo cáo đánh giá HSDT;
- b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của Nhà thầu;
- c) HSMT.

32.4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung Nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;

b) Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong “Chương V – Phạm vi cung cấp” thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của Nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDT của Nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDT của Nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất Nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

32.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do Nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của Nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế;

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn Nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 30 CDNT;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

32.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều

	<p>kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.</p> <p>32.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các Nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 36.1 CDNT.</p>
33. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>33.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>33.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>33.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>33.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>33.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL;</p> <p>33.6. Việc xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện theo từng Lô và kết hợp giữa các Lô với nhau trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
34. Hủy thầu	<p>34.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến Nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;</p> <p>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu.</p> <p>34.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 34.1 CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>34.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 34.1 CDNT, trong thời hạn 5 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho các Nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp Nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Mục 34.1 CDNT.</p>
35. Thông báo kết quả lựa	<p>35.1. Trong thời hạn quy định tại BDL, Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>

chọn Nhà thầu	<p>Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên gói thầu, số hiệu gói thầu;</p> <p>b) Tên Nhà thầu trúng thầu;</p> <p>c) Địa chỉ giao dịch hiện tại của Nhà thầu trúng thầu;</p> <p>d) Giá trúng thầu;</p> <p>đ) Loại hợp đồng;</p> <p>e) Thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>g) Danh sách Nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng Nhà thầu.</p> <p>35.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 34.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>35.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu theo quy định tại Mục 35.1 CDNT, nếu Nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa là 5 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho Nhà thầu.</p>
36. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ	<p>Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương V - Phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT.</p>
37. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng	<p>Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 18 Chương VI – Biểu mẫu hợp đồng cho Nhà thầu trúng thầu với điều kiện Nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực để thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm đ Mục 19.5 CDNT.</p>
38. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>38.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của Nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>38.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế Nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với Nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p>

	38.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
39. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>39.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với nội dung và yêu cầu như quy định tại Khoản 5.1 Điều 5 của Mẫu số 19 Hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 20 Chương VI – Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>39.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
40. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, Nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn Nhà thầu, kết quả lựa chọn Nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại BDL . Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định hiện hành.
41. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn Nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, Nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại BDL .

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Trang bị hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản đối với máy biến áp chính T2 và máy biến áp tự dòng NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026.
CDNT 1.3	Thời gian thực hiện hợp đồng: Hoàn thành trong vòng 20 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
CDNT 2	<p>Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP</p> <p>Việc tổ chức thực hiện lựa chọn Nhà thầu được thực hiện theo (i) Quyết định số 858/QĐ-ĐLĐK ngày 25/9/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa dịch vụ và bảo trì công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; (ii) Quyết định số 178/QĐ-ĐLĐK ngày 04/2/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.</p>
CDNT 4.4	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các Nhà thầu tư vấn (*); không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; + Tư vấn lập, thẩm định HSMT; + Tư vấn đánh giá HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu. <p><i>(*) Nhà thầu tư vấn là Nhà thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với chủ đầu tư, bên mời thầu.</i></p>
CDNT 4.6	Nhà thầu tham dự thầu phải có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Có áp dụng.
CDNT 5.3	<p>Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá: Trong hồ sơ dự thầu, Nhà thầu phải cam kết cung cấp đủ các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) đối với hàng hóa nhập khẩu, + Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) hoặc tài liệu tương đương đối với hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước.
CDNT 7.1	Bên mời thầu phải nhận được yêu cầu giải thích làm rõ HSMT không

	muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 8	Việc sửa đổi HSMT sẽ được Bên mời thầu thực hiện trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.
CDNT 10	HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa Nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu gửi bổ sung.
CDNT 11.10	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu.
CDNT 13.1	Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế: Không áp dụng.
CDNT 14.2	Trong bảng giá, Nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau: Giá của hàng hóa/dịch vụ đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 05 (a) Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
CDNT 14.5	Không áp dụng
CDNT 15	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
CDNT 16.3	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng...): Không áp dụng.
CDNT 17.2	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu: Không áp dụng.
CDNT 18.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 90 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 19.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu cho toàn bộ gói thầu: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 19.4	Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là 20 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu.
CDNT 20.1	Thời điểm đóng thầu là: Theo thời điểm thông báo trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
CDNT 23.1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: Theo thời điểm thông báo trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

CDNT 29.3	Nhà thầu phụ đặc biệt: Không được sử dụng.
CDNT 30.3	Không áp dụng.
CDNT 31.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt; b) Đánh giá về kỹ thuật: Áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt; c) Đánh giá về giá: Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.
CDNT 31.5	Xếp hạng Nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
CDNT 33.5	Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
CDNT 35.1	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn Nhà thầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu.
CDNT 36	Tỷ lệ tăng/ giảm khối lượng tối đa là: $\pm 10\%$.
CDNT 40	- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP. Tòa nhà PV Power, số 199 đường Nguyễn Tuân – phường Thanh Xuân – Hà Nội. Điện thoại: (024) 2221 0288 Fax: (024) 2221 0388
CDNT 41	- Địa chỉ thực hiện theo dõi, giám sát của Chủ đầu tư: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP Tòa nhà PV Power, số 199 đường Nguyễn Tuân – phường Thanh Xuân – Hà Nội. Điện thoại: (024) 22210 288 Fax: (024) 222010 388

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT:

Kiểm tra các thành phần của HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của Nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT;

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với Nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- b) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của HSMT;
- c) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- d) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18.1 CDNT;
- e) Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 19.3 CDNT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 19.2 CDNT;
- f) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là Nhà thầu chính (Nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều Lô độc lập thì Nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là Nhà thầu chính đối với Lô mà Nhà thầu tham dự thầu;
- g) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;
- h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.
- i) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với Nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên

danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì Nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu. Đối với gói thầu chia thành nhiều Lô độc lập, năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu sẽ được đánh giá tương ứng với Lô mà Nhà thầu tham dự thầu.

Năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của Nhà thầu chính (trừ trường hợp HSMT quy định được phép sử dụng Nhà thầu phụ đặc biệt). Bản thân Nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ).

Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, khi nộp HSDT nếu Nhà thầu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển đã được đánh giá thì Nhà thầu phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình; trường hợp năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu không có sự thay đổi thì Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Trường hợp gói thầu không áp dụng sơ tuyển thì việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

TT	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 9
2	Năng lực tài chính						
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính (bản sao được công chứng hoặc chứng thực) từ năm 2023 đến năm 2025 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của Nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của Nhà thầu trong năm 2025 phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 10
2.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: 12,9 tỷ VND	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đàm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 10

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp		
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
3	<p>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự</p>	<p>Có tối thiểu 01 hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ kể từ năm 2023 trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương tự về chủng loại, tính chất: + Về hàng hóa: có cùng tối thiểu 50% số lượng/giá trị chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét. Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp mã phân loại hàng hóa (HS Code) và số lượng chuỗi đầu số HS Code đối với hàng hóa nhập khẩu trong HSMT để đánh giá tính tương tự về chủng loại, đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng hàng hóa; + Về chuyên gia và dịch vụ: tương tự với gói thầu đang xét về cung cấp chuyên gia, lắp đặt các thiết bị giám sát hoặc thí 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 11

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Nhà thầu độc lập			Nhà thầu liên danh			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu liên danh			Tài liệu cần nộp		
			Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh			
		<p>nghiệm, đo lường điều khiển cho nhà máy công nghiệp.</p> <p>- Trưng tự về quy mô:</p> <p>Có tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp đầy đủ cả 03 nhóm: hàng hóa, chuyên gia và dịch vụ, trong đó thể hiện giá trị tương tự về quy mô ≥ 4,8 tỷ đồng hoặc hợp đồng tương tự có danh mục đúng với các danh mục trong HSMT;</p> <p>Hoặc có 02 hợp đồng riêng lẻ cung cấp đầy đủ cả 03 nhóm: hàng hóa, chuyên gia và dịch vụ, trong đó thể hiện giá trị tương tự về quy mô ≥ 4,8 tỷ đồng.</p> <p>* Hoàn thành phần lớn nghĩa là:</p> <p>- Hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc (bao gồm số lượng và giá trị) đạt chất lượng và tiến độ theo đúng quy định hợp đồng;</p> <p>- Số lượng hạng mục hàng giao chậm quá 6 tuần và số lượng hạng mục không giao không vượt quá 10% tổng số lượng hạng</p>						

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh
		<p>mục của hợp đồng; Chất lượng dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa phải được chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng. Tiến độ thực hiện không được chậm quá 10% số với tiến độ yêu cầu của chủ đầu tư.</p> <p>- Giá trị tiền phạt giao chậm và hủy không thực hiện hợp đồng không vượt quá 6% giá trị hợp đồng.</p> <p>(Nhà thầu cung cấp các Bản sao được công chứng hoặc chứng thực: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và/hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc Xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu có liên quan, để chứng minh về việc nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn, để Bên mời thầu xem xét đánh giá).</p>				

Ghi chú:

(1) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm: Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận Nhà thầu không hoàn thành được chứng minh trên cơ sở biên bản thanh lý hợp đồng và giấy tờ khác tương đương.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Áp dụng phương pháp đánh giá đạt/không đạt.

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

3.1. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật về hàng hóa

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
A	PHẦN CUNG CẤP HÀNG HÓA		
I	Về phạm vi cung cấp		
1	Phạm vi hàng hóa cung cấp	Chào đủ 100% hạng mục vật tư (danh mục và số lượng) theo danh mục vật tư tại Phụ lục 1	Đạt
		Không chào đủ 100% hạng mục vật tư (danh mục và số lượng) theo danh mục vật tư tại Phụ lục 1	Không đạt
II	Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa		
1	Các thông số kỹ thuật quy định tại Phụ lục 1	Đáp ứng yêu cầu trong Phụ lục 1	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trong Phụ lục 1	Không đạt
2	Cung cấp tài liệu kỹ thuật của vật tư để chứng minh vật tư chào đáp ứng thông số và yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 1	Đáp ứng 100% tài liệu kỹ thuật đối với danh mục vật tư tại Phụ lục 1 sau khi Bên mời thầu đã thực hiện làm rõ HSDT	Đạt
		Không đáp ứng 100% tài liệu kỹ thuật đối với danh mục hàng hóa tại Phụ lục 1 sau khi Bên mời thầu đã thực hiện làm rõ HSDT	Không đạt
3	Cam kết của hãng sản xuất về việc phần mềm sử dụng đồng bộ với thiết bị mà hãng cung cấp	Có văn bản cam kết của hãng sản xuất	Đạt
		Không có văn bản cam kết của hãng sản xuất	Không đạt
4	Cam kết cung cấp phần mềm có bản quyền không phát sinh chi phí ngoài hợp đồng	Có văn bản cam kết của hãng sản xuất	Đạt
		Không có văn bản cam kết của hãng sản xuất	Không đạt
5	Hãng sản xuất và xuất xứ hàng hóa EU/G7 đối với thiết bị giám sát máy biến áp	Nêu rõ ràng, cụ thể hãng sản xuất, quốc gia sản xuất sau khi Nhà thầu đã làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu	Đạt

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
		Để trống, không nêu sau khi Nhà thầu đã làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu	Không đạt
6	Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ 2026	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
III	Chế độ bảo hành		
1	Cam kết tuân thủ chế độ bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (tối thiểu 12 tháng)	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
2	Thời hạn bảo hành của nhà thầu	Có văn bản cam kết bảo hành hàng hóa được cung cấp theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất hoặc tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao lắp đặt hàng hóa tùy theo thời gian nào dài hơn.	Đạt
		Không có văn bản cam kết bảo hành hàng hóa được cung cấp theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất hoặc thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao lắp đặt hàng hóa.	Không đạt
IV	Tiến độ và địa điểm giao hàng		
1	Tiến độ cung cấp hàng hóa và thực hiện dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, không bao gồm thời gian chờ bàn giao mặt bằng của Chủ đầu tư (kể cả ngày lễ, ngày nghỉ chế độ)	Hoàn thành cung cấp hàng hóa và thực hiện dịch vụ trong vòng 20 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Đạt
		Hoàn thành cung cấp hàng hóa và thực hiện dịch vụ sau 20 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Không đạt
2	Địa điểm giao hàng: Nhà máy điện Vũng Áng 1, địa chỉ: Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	Đáp ứng	Đạt
		Không đáp ứng	Không đạt

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật về chuyên gia

Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá đối với chuyên gia bao gồm:

10/

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
1	Phạm vi công việc chuyên gia	Đáp ứng yêu cầu tại Phần thứ hai - Chương V, Mục 1.4.2	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu tại Phần thứ hai - Chương V, Mục 1.4.2	Không đạt
2	Chuyên gia của NSX (1)	Có cam kết cung cấp chuyên gia của NSX	Đạt
		Không có cam kết cung cấp chuyên gia của NSX	Không đạt
3	Số lượng chuyên gia	≥ 01 chuyên gia của NSX (Nhà thầu có quyền đề xuất nhiều hơn 1 chuyên gia để thực hiện các công việc khác nhau: lắp đặt, thử nghiệm, đào tạo)	Đạt
		Không có	Không đạt
4	Chứng chỉ/ Xác nhận của Nhà sản xuất (2)	Có chứng chỉ/ Xác nhận của Nhà sản xuất	Đạt
		Không có chứng chỉ/ Xác nhận của Nhà sản xuất	Không đạt
5	Kinh nghiệm về lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát máy biến áp của chuyên gia Nhà sản xuất. (2)	- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thực hiện lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát máy biến áp (Bản CV phải được chứng nhận của Nhà sản xuất); - Có kinh nghiệm thực hiện lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát cho ít nhất 3 máy biến áp của Nhà sản xuất được đề xuất.	Đạt
		- Không đủ ít nhất 05 năm kinh nghiệm thực hiện lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát máy biến áp; - Không đủ kinh nghiệm thực hiện lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát cho ít nhất 3 máy biến áp của Nhà sản xuất được đề xuất.	Không đạt
6	Kinh nghiệm về đào tạo, sử dụng hệ thống giám sát máy biến áp của chuyên gia Nhà sản xuất	- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm đào tạo, sử dụng hệ thống giám sát máy biến áp. (Bản CV phải được chứng nhận của Nhà sản xuất).	Đạt
		- Không đủ ít nhất 05 năm kinh nghiệm đào tạo, sử dụng hệ thống giám sát máy biến áp.	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
7	Địa điểm thực hiện công việc	Tại NMD Vũng Áng 1	Đạt
		Không tại NMD Vũng Áng 1	Không đạt

Chú giải:

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 13, 14, 15 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Nhà thầu có quyền đề xuất nhiều hơn 01 chuyên gia của Nhà sản xuất để thực hiện các công việc khác nhau: lắp đặt, thử nghiệm, đào tạo. Trường hợp nhà thầu đề xuất nhiều hơn 01 chuyên gia của Nhà sản xuất: tiêu chí đánh giá đối với các chuyên gia sẽ được đánh giá theo phạm vi công việc đề xuất của các chuyên gia riêng theo từng mục (5) và (6) ở trên.

(1): Chuyên gia đề xuất:

Chuyên gia của Nhà sản xuất (NSX): Yêu cầu nhà thầu cung cấp CV (lý lịch) của chuyên gia đề xuất có xác nhận của NSX .

(2): Chứng chỉ:

Có giấy chứng nhận được đào tạo bởi nhà sản xuất hoặc tài liệu chứng minh chuyên gia được Nhà sản xuất giao công việc thực hiện lắp đặt và thử nghiệm hệ thống giám sát máy biến áp.

3.3. Tiêu chuẩn đánh giá về dịch vụ

3.3.1. Nhân sự thực hiện dịch vụ

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Stt	Nhân sự thực hiện	Số lượng	Số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự
1	Kỹ sư của nhà thầu (hoặc Nhân sự của NSX)	01	≥5	Trình độ đại học (chuyên ngành điện, điện tử, tự động hóa) trở lên (<i>Chỉ áp dụng cho Kỹ sư của Nhà thầu</i>) Có kinh nghiệm lắp đặt thử nghiệm hệ thống giám sát máy biến áp. Đã tham gia lắp đặt thử nghiệm hệ thống giám sát cho ít nhất 03 máy biến áp.

Stt	Nhân sự thực hiện	Số lượng	Số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự
2	Công nhân	02	≥3	Có chứng chỉ/chứng nhận đào tạo an toàn lao động. Có kinh nghiệm lắp đặt, thử nghiệm hệ thống đo lường, điều khiển phần điện

(Trường hợp Nhà thầu là công ty con hoặc chi nhánh của Nhà sản xuất thì các vị trí chủ chốt của nhà thầu có thể đề xuất là nhân sự của Nhà sản xuất, trường hợp Nhà thầu không có Kỹ sư đáp ứng yêu cầu kinh nghiệm như trên, cho phép Nhà thầu sử dụng nhân sự hoặc Chuyên gia của Nhà sản xuất đáp ứng yêu cầu kinh nghiệm như trên để thực hiện việc lắp đặt thử nghiệm)

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các **Mẫu số 13, 14, 15** Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan đến nhân sự chủ chốt như sau:

+ Tài liệu chứng minh có kinh nghiệm, lắp đặt thử nghiệm hệ thống giám sát máy biến áp. Đã tham gia lắp đặt thử nghiệm hệ thống giám cho ít nhất 03 sát máy biến áp đối với kỹ sư do nhà thầu đề xuất;

+ Hợp đồng lao động/hợp đồng thuê lao động hoặc Xác nhận nhân sự của Nhà thầu (hoặc xác nhận nhân sự của Nhà sản xuất trường hợp nhân sự chủ chốt là Nhân sự của Nhà sản xuất).

+ Đối với nhân sự trong nước: Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, Thẻ an toàn lao động; Bằng cấp, chứng chỉ (Đại học/Cao đẳng/Trung cấp) của các nhân sự tham gia thực hiện.

3.3.2 Thiết bị thi công chủ yếu, vật tư tiêu hao để thực hiện gói thầu

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động danh mục tối thiểu các thiết bị thi công (còn hạn kiểm định, còn hạn sử dụng theo quy định), nhà thầu tự liệt kê các thiết bị thi công cần có để thực hiện gói thầu bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo **Mẫu số 16** Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Nhà thầu cung cấp danh mục vật tư tiêu hao, vật liệu phụ cần thiết để hoàn thiện công việc.

3.3.3 Tiêu chuẩn đánh giá dịch vụ

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG
1	Phạm vi công việc dịch vụ	Chào đầy đủ phạm vi công việc theo yêu cầu tại Phần thứ hai – Chương V, Mục 1.4.	Đạt
		Chào không đầy đủ theo yêu cầu tại Phần thứ hai – Chương V, Mục 1.4.	Không đạt
2	Nhân sự thực hiện đáp ứng quy định tại mục 3.3.1 Chương III - HSMT	Đáp ứng	Đạt
		Không đáp ứng	Không đạt
3	Chào đầy đủ vật tư, vật liệu phụ, máy thi công, công cụ dụng cụ đáp ứng quy định tại mục 3.3.2 Chương III - HSMT	Chào đầy đủ	Đạt
		Chào không đầy đủ	Không đạt
4	Phương án tổ chức, thi công	Nhà thầu nêu đầy đủ phương án tổ chức, thi công đảm bảo phù hợp với điều kiện hiện trạng Nhà máy gồm: Phương án kỹ thuật kiểm định, kế hoạch huy động nhân sự, máy móc,...hợp lý, khả thi để thực hiện công việc.	Đạt
		Nhà thầu không có phương án hoặc phương án không đầy đủ, không hợp lý, khả thi.	Không đạt
5	Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ	Nhà thầu có cam kết thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định	Đạt
		Nhà thầu không có cam kết thực hiện	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Nhà thầu có HSĐT đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về tài chính.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về tài chính - Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 30 CDNT;

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;
- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;
- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

Trường hợp có sai lệch về số lượng hàng hóa cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu về số lượng hàng hóa cung cấp mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Nội dung	Áp dụng Mẫu	Ghi chú	Cách thức thực hiện
1	Đơn dự thầu	Mẫu số 1		Scan đính kèm lên Hệ thống
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 2	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống
3	Thỏa thuận liên danh	Mẫu số 3	Chỉ áp dụng trong trường hợp Nhà thầu liên danh tham dự thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống
4	Bảo lãnh dự thầu	Mẫu số 4(a)	Áp dụng trong trường hợp Nhà thầu độc lập thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng	Scan đính kèm lên Hệ thống
		Mẫu số 4(b)	Áp dụng trong trường hợp Nhà thầu liên danh thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng	Scan đính kèm lên Hệ thống
5	Bảng giá dự thầu	Mẫu số 5	Bảng tổng hợp giá dự thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống
		Mẫu số 5(a)	Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng đối với đấu thầu trong nước)	Scan đính kèm lên Hệ thống
		Mẫu số 5(b)	Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan	Scan đính kèm lên Hệ thống
6	Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi	Mẫu số 6		Scan đính kèm lên Hệ thống
7	Bản kê khai thông tin về Nhà thầu	Mẫu số 7(a)		Scan đính kèm lên Hệ thống

	Bản kê khai thông tin về thành viên của Nhà thầu liên danh	Mẫu số 7(b)	Chỉ áp dụng trong trường hợp Nhà thầu liên danh tham dự thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống
8	Danh sách các công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu	Mẫu số 8	Chỉ áp dụng trong trường hợp Nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ	Scan đính kèm lên Hệ thống
9	Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	Mẫu số 9		Scan đính kèm lên Hệ thống
10	Tình hình tài chính của Nhà thầu	Mẫu số 10		Scan đính kèm lên Hệ thống
11	Hợp đồng tương tự do Nhà thầu thực hiện	Mẫu số 11		Scan đính kèm lên Hệ thống
12	Phạm vi công việc sử dụng Nhà thầu phụ	Mẫu số 12	Chỉ áp dụng trong trường hợp sử dụng Nhà thầu phụ	Scan đính kèm lên Hệ thống
13	Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt	Mẫu số 13		Scan đính kèm lên Hệ thống
14	Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt	Mẫu số 14		Scan đính kèm lên Hệ thống
15	Bản kinh nghiệm chuyên môn	Mẫu số 15		Scan đính kèm lên Hệ thống
16	Bảng kê khai thiết bị	Mẫu số 16		Scan đính kèm lên Hệ thống

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Tên dự án: [ghi tên dự án]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [ghi tên Nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾ cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: ____ [ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽³⁾.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽⁴⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là Nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39 – Chỉ dẫn Nhà thầu trong hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____⁽⁵⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁶⁾.

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu⁽⁷⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải

phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ hoàn thành nêu trong HSDT.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(6) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 20.1 **BDL**.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp Nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với Nhà thầu độc lập. Nếu Nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên Nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của Nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên Nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
Nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày . tháng . năm _____

Gói thầu: _____[ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____[ghi tên dự án]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm _____[ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____[ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____[ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____[ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với Nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo Nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 34.1 – Chỉ dẫn Nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp

đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39.1 – Chỉ dẫn Nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại Mục 19.2 **BDL**.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 20.1 **BDL**.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với Nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên Nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo Nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 34.1 – Chỉ dẫn Nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39.1 – Chỉ dẫn Nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của Nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 19.5 – Chỉ dẫn Nhà thầu của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 19.2 CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.

(2) Tên Nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả Nhà thầu liên danh, ví dụ Nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên Nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ Nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho Nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên Nhà thầu ghi là “Nhà thầu A (thay mặt cho Nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công Nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho Nhà thầu B và C thì tên Nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho Nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 19.2 **BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 20.1 **BDL**.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với đấu thầu trong nước)

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (<i>Kết chuyển sang đơn dự thầu</i>)	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(áp dụng đối với đấu thầu trong nước)

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Nhà sản xuất / Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
					
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp; các cột (5), (6), (7) Nhà thầu chào.

Đơn giá dự thầu tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 5(b). Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Mục 1 Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (7) và cột (8) do Nhà thầu chào.

**BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI
HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾**

STT	Tên hàng hóa	Giá trị
1	Tên hàng hoá thứ nhất	
	Giá chào của hàng hoá trong HSDT	(I)
	Giá trị thuế các loại (trong đó bao gồm thuế nhập khẩu đối với các linh kiện, thiết bị cấu thành hàng hoá nhập khẩu, thuế VAT và các loại thuế khác phải trả cho hàng hoá)	(II)
	Kê khai các chi phí nhập ngoại trong hàng hóa bao gồm các loại phí, lệ phí (nếu có)	(III)
	Chi phí sản xuất trong nước	$G^* = (I) - (II) - (III)$
	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	$D (\%) = G^*/G (\%)$ Trong đó $G = (I) - (II)$
2	Tên hàng hoá thứ hai	
	...	

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp hàng hóa không thuộc đối tượng ưu đãi thì Nhà thầu không phải kê khai theo Mẫu này.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____
Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên Nhà thầu: __ [ghi tên Nhà thầu]
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi Nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: __ [ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]
Năm thành lập công ty: __ [ghi năm thành lập công ty]
Địa chỉ hợp pháp của Nhà thầu: __ [tại nơi đăng ký]
Thông tin về đại diện hợp pháp của Nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của Nhà thầu.

Mẫu số 07 (b)

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA
NHÀ THẦU LIÊN DANH⁽¹⁾**

Ngày: _____
Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên Nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của Nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì Nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của Nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu và đã được kê khai trong HSDT. Trường hợp Nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên Nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm ___ [<i>ghi năm</i>] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm ___ [<i>ghi năm</i>] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ Nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại.

Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Handwritten mark

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên Nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao được công chứng hoặc chứng thực của các cấp có thẩm quyền các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện

sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của Nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là Nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với Nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra (hoặc thanh tra) của cơ quan thuế quản lý;
- Tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc Nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.
- Báo cáo kiểm toán (nếu có)

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, Nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên Nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của Nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà Nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT⁽²⁾.		
1. Loại hàng hóa, dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 14 và Mẫu số 15 Chương này.

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 3.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động	
	Điện thoại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax	E-mail
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ

Nhà thầu chỉ được kê khai những thiết bị chủ yếu mà có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Thiết bị phải thuộc sở hữu của Nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp thiết bị thuộc sở hữu của Nhà thầu thì phải kèm theo các tài liệu để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của mình. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê. Nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với mỗi loại thiết bị:

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất	Năm sản xuất
	Tính năng	Xuất xứ
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của Nhà <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt thầu	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì Nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thỏa thuận	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án	

24

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa, dịch vụ

1.1. Khảo sát, đánh giá tình trạng

Nhà thầu (bằng chi phí của mình) có quyền được đi khảo sát thực tế tại Nhà máy điện Vũng Áng 1 để đánh giá và cập nhật thêm vật liệu & các thông số kỹ thuật, tuổi thọ, chất lượng của các vật tư, tình trạng thiết bị, lịch sử vận hành – bảo dưỡng sửa chữa (BDSC) - sự cố của thiết bị liên quan đến gói thầu, tài liệu OEM và các thông tin cần thiết khác (nếu cần).

1.2. Phạm vi cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Phạm vi cung cấp hàng hóa, dịch vụ quy định chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm hồ sơ mời thầu.

1.3. Tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Hoàn thành cung cấp vật tư và dịch vụ trong vòng 20 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.4. Phạm vi công việc

Phạm vi công việc Trang bị hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản đối với máy biến áp chính và máy biến áp tự dòng NMNĐ Vũng Áng 1 bao gồm các công việc dưới đây, chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm hồ sơ mời thầu.

1.4.1 Phạm vi công việc của nhà thầu

Cung cấp, lắp đặt hệ thống giám sát máy biến áp bao gồm nhưng không giới hạn các phạm vi công việc cụ thể như sau:

- Khảo sát, xây dựng phương án thi công lắp đặt chi tiết hệ thống giám sát online và quản lý tài sản cho 02 máy biến áp.
- Cung cấp vật tư, nhân sự, công cụ dụng cụ phục vụ công tác kiểm tra, lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu hoàn thiện hệ thống giám sát online và quản lý tài sản 02 máy biến áp bao gồm các chức năng giám sát như sau:
 - + Giám sát khí hòa tan trong dầu;
 - + Giám sát Tan Delta và điện dung sứ xuyên cho máy biến áp chính;
 - + Giám sát PD sứ xuyên cho máy biến áp chính;
 - + Giám sát bộ OLTC;
 - + Giám sát tải trọng máy biến áp;

- + Giám sát hệ thống làm mát;
- + Các chức năng giám sát khác như: Nhiệt độ cuộn dây.
- Thu thập dữ liệu, phân tích, đánh giá lần đầu và hoàn thiện báo cáo phân tích, đánh giá lần đầu.
- Các chức năng giám sát khác như: Nhiệt độ cuộn dây.
- Thu thập dữ liệu, phân tích, đánh giá lần đầu và lập dữ thu thập online để đưa ra để đưa ra các thông tin sau:
 - + Chỉ số sức khỏe của máy biến áp;
 - + Cảnh báo về các vấn đề tiềm ẩn;
 - + Đề xuất các hành động vận hành/chế độ vận hành;
 - + Dự báo tuổi thọ còn lại của máy biến áp.
- Đào tạo cơ bản:
 - + Đào tạo về cài đặt, cấu hình hệ thống giám sát;
 - + Đào tạo về sử dụng, phân tích, đánh giá hệ thống giám sát và quản lý tài sản MBA.

1.4.2 Phạm vi cung cấp dịch vụ chuyên gia

Nhà thầu cam kết cung cấp chuyên gia có kinh nghiệm của nhà sản xuất gốc (NSX) hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp đáp ứng các yêu cầu sau:

- Số lượng chuyên gia: (tối thiểu): 01 người. *(Nhà thầu có quyền đề xuất nhiều hơn 01 chuyên gia để thực hiện các công việc khác nhau: lắp đặt, thử nghiệm, đào tạo)*
- Ngoại ngữ: Thông thạo tiếng Anh hoặc tiếng Việt.
- Phạm vi công việc của chuyên gia:
 - + Chủ trì, chịu trách nhiệm chính trong việc lắp đặt và thử nghiệm cho hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp theo danh mục vật tư đính kèm;
 - + Kiểm tra ghi nhận, đánh giá các giá trị làm việc của hệ thống sau khi lắp đặt;
 - + Thu thập dữ liệu, phân tích, đánh giá lần đầu và hoàn thiện báo cáo phân tích, đánh giá lần đầu.
 - + Đào tạo cơ bản:
 - o Đào tạo về cài đặt, cấu hình hệ thống giám sát;
 - o Đào tạo về sử dụng, phân tích, đánh giá hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp.
- Thời gian huy động dự kiến: 15 ngày/ 1 máy biến áp (tùy theo nhà thầu đề xuất);
- Chế độ làm việc của chuyên gia:

- + Làm liên tục từ khi bắt đầu huy động cho đến khi hoàn thành công việc.
- + Thời gian làm việc hàng ngày là 8h/ngày (không bao gồm 1h nghỉ trưa). Khoảng thời gian huy động được phép bắt đầu từ 08h00 đến 17h00 tùy thuộc vào Nhà thầu bố trí để đảm bảo tiến độ của công việc.
- + Thời gian bắt đầu huy động dự kiến: trong năm 2027. Chủ đầu tư sẽ thông báo đến Nhà thầu trước 01 tháng thực hiện kế hoạch lắp hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp NMNĐ Vũng Áng 1. Sau khi nhận thông báo từ Chủ đầu tư, Nhà thầu phải gửi CV của chuyên gia dự kiến thực hiện công việc cho Chủ đầu tư xem xét chấp thuận mới được huy động. Nhà thầu phải lên kế hoạch và đảm bảo nhân sự sẵn sàng huy động theo yêu cầu của Chủ đầu tư sau khi nhận thông báo chấp thuận chuyên gia đề xuất từ Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc thay đổi thời gian bắt đầu huy động nếu không thông báo sớm hơn 01 tháng trước thời điểm huy động yêu cầu trước đó.
- Địa điểm làm việc: Nhà máy điện Vũng Áng 1, địa chỉ: Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.
- Các yêu cầu về trình độ:

Nhà thầu phải chứng minh rằng chuyên gia đáp ứng được những yêu cầu sau đây:

 - + Có bằng cấp chuyên môn phù hợp với phạm vi công việc gói thầu;
 - + Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thực hiện lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp (Bản CV phải được chứng nhận của nhà sản xuất hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp);
 - + Có kinh nghiệm thực hiện lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát và quản lý tài sản cho ít nhất 3 máy biến áp của Nhà sản xuất được đề xuất.
 - + Có giấy chứng nhận được đào tạo bởi nhà sản xuất thực hiện lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp (hoặc tài liệu chứng minh chuyên gia được Nhà sản xuất giao công việc thực hiện lắp đặt, thử nghiệm hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp).

1.4.3 Phân chia trách nhiệm:

a. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Điện, nước thi công.
- Cho phép Nhà thầu sử dụng các thiết bị trong workshop trong quá trình thi công (Nhà thầu tự chuẩn bị các vật tư tiêu hao liên quan). Sau khi hoàn thiện công tác, Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng và đảm bảo các tính năng sử dụng.
- Chỉ dẫn cho Nhà thầu các yêu cầu chung về an toàn và đặc thù cho từng khu vực.
- Tổ chức họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với Nhà thầu.

- Cấp giấy phép làm việc.
- Bố trí học viên và phòng học để thực hiện việc đào tạo.

b. Trách nhiệm của Nhà thầu

- Cung cấp chuyên gia.
- Cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ phục vụ thi công.
- Cung cấp máy thi công, công cụ dụng cụ thi công, đồ gá... phục vụ thi công.
- Cung cấp giàn giáo và lắp đặt theo biện pháp thi công của Nhà thầu.
- Lập biện pháp thi công cho thiết bị/hệ thống (WPP) phải được Chủ đầu tư phê duyệt trước khi thi công.
- Lập quy trình nghiệm thu (ITP).
- Lập tiến độ thi công.
- Lập sơ đồ tổ chức thi công.
- Chuẩn bị mặt bằng thi công.
- Đèn chiếu sáng tại các khu vực thi công.
- Cam kết hợp tác & thực hiện các công việc phát sinh trong quá trình thi công lắp đặt và thử nghiệm.
- Lập báo cáo tiến độ hàng ngày trình chủ đầu tư và tham gia họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với chủ đầu tư.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Đối với hàng hóa

1.1. Yêu cầu chung đối với hàng hóa

- Cung cấp đầy đủ hàng hóa như Phụ lục 1 đính kèm HSMT;
- Hàng hóa đáp ứng đầy đủ các thông số và yêu cầu về kỹ thuật của từng hạng mục, vật tư như Phụ lục 1 đính kèm HSMT;
- Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ 2026 trở về đây.
- Cung cấp chứng chỉ chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất, chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (C/O) của Phòng Thương mại hoặc Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp.
- Hàng hóa phải đảm bảo đồng bộ, tương thích với Hệ thống/thiết bị mà nó kết nối, cụ thể:
 - Đồng bộ tương thích lắp ghép;
 - Đồng bộ tương thích với đặc tính làm việc của thiết bị;

- Đồng bộ tương thích về khả năng làm việc: Khả năng chịu lực, làm kín, độ bền;
 - Không gây ảnh hưởng phụ tới đặc tính vận hành của thiết bị: Công suất, hiệu suất, tuổi thọ (Không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận còn lại của thiết bị).
- Nếu hàng hóa có chứa nguồn phóng xạ, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư để chủ đầu tư làm thủ tục xin phép đưa vào sử dụng.

1.2. Yêu cầu về tài liệu

- Cung cấp tài liệu kỹ thuật/hoặc bản vẽ kỹ thuật của các vật tư, trong đó thể hiện các thông số kỹ thuật cơ bản của vật tư:
 - + Đối với vật tư phi tiêu chuẩn: Tên vật tư, Part number, Thông số kỹ thuật đặc trưng của vật tư: Kích thước/Vật liệu/Mã vật liệu/Áp suất định mức/Lưu lượng định mức/Nhiệt độ định mức/tốc độ định mức/v.v.
 - + Đối vật tư tiêu chuẩn hóa: Mã hiệu chuẩn hóa.
 - + Công cụ/dụng cụ chuyên dụng: Tên gọi, thông số kỹ thuật đặc trưng: Kích thước/mã tiêu chuẩn dụng cụ/v.v.

Nếu vật tư không có tài liệu/bản vẽ kỹ thuật đính kèm HSDT, mà chỉ có mã sản phẩm (Part Number) và được xác nhận bằng văn bản của NSX gốc, thì văn bản đó có thể thay thế tài liệu/bản vẽ kỹ thuật của vật tư đó.

- Cung cấp các bản vẽ, tài liệu kỹ thuật (**trong HSDT**) bao gồm:
 - + Sơ đồ khối và nguyên lý làm việc của hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản cho máy biến áp chính và máy biến áp tự dòng NMNĐ Vũng Áng 1 do nhà sản xuất cung cấp.
 - + Bản vẽ bố trí thiết bị và đấu nối hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản cho máy biến áp chính và máy biến áp tự dòng NMNĐ Vũng Áng 1;
 - + Tài liệu kỹ thuật thiết bị, hệ thống thiết bị kèm theo,...

Các tài liệu kỹ thuật của Nhà thầu được coi là hợp lệ khi toàn bộ các tài liệu/bản vẽ kỹ thuật do Nhà thầu đề xuất trong HSDT được cấp và được xác nhận bằng văn bản từ nhà sản xuất.

1.3. Các yêu cầu kỹ thuật

Chi tiết yêu cầu kỹ thuật và thông số kỹ thuật dự kiến của hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp như Phụ lục 1 đính kèm hồ sơ mời thầu.

2. Đối với dịch vụ lắp đặt thử nghiệm

2.1. Yêu cầu kỹ thuật

2.1.1. Yêu cầu chung

- Cung cấp dịch vụ đáp ứng đầy đủ phạm vi công việc như Phụ lục 1 đính kèm hồ sơ mời thầu.
- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu để chứng minh kinh nghiệm, kỹ thuật và khả năng tài chính đủ điều kiện để thực hiện gói thầu.
- Nhà thầu phải đệ trình đầy đủ chi tiết tiến độ và kế hoạch làm việc để chứng minh Nhà thầu đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện kịp thời gian theo yêu cầu.
- Dịch vụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về công tác lắp đặt, thử nghiệm và đào tạo cho Chủ đầu tư.
- Nhà thầu có trách nhiệm xây dựng quy trình nghiệm thu (ITP) cho thiết bị/ hệ thống dựa trên các tài liệu hiện hữu đã nêu trình Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

2.1.2. Yêu cầu về công tác an toàn sức khỏe môi trường

a. An toàn chung

- Nhà thầu phải tuân thủ mọi quy định hiện hành về công tác an toàn sức khỏe môi trường của pháp luật và Chủ đầu tư từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành công việc.
- Nhà thầu phải tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho toàn bộ nhân sự của Nhà thầu cũng như của Nhà thầu phụ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động.
- Nhà thầu phải tuân thủ và có trách nhiệm buộc các Nhà thầu phụ của mình tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn lao động và an ninh an toàn.

b. Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn:

- Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, biện pháp an toàn tổng thể cho toàn bộ công việc trình Chủ đầu tư chấp thuận trước khi phê duyệt ban hành thực hiện. Nhà thầu phải thiết lập, duy trì và giám sát một cách toàn diện, kịp thời mọi biện pháp an toàn cần thiết và các chương trình có liên quan phù hợp với các quy định của HSMT và các yêu cầu an toàn của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải thực hiện và yêu cầu các Nhà thầu phụ thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết để ngăn ngừa tai nạn, sự cố cho người, tài sản hoặc bảo vệ môi trường.
- Biện pháp tổ chức thi công tổng thể bao gồm một số nội dung chính như sau: Giới thiệu chung về phạm vi công việc thực hiện; Tiến độ thực hiện; Danh sách các Nhà thầu phụ tham dự; Trách nhiệm của các Nhà thầu phụ; Trình tự các bước thi công; Phương pháp kiểm tra, thử nghiệm; Thiết bị, công nghệ, công cụ, dụng cụ đưa vào thi công; Phương tiện bảo vệ cá nhân; Biện pháp an toàn; Dự kiến các rủi ro, sự cố và đề xuất biện pháp xử lý.

c. Phòng cháy chữa cháy:

- Nhà thầu phải tuân thủ nội quy phòng cháy và chữa cháy, nội quy sử dụng điện của Chủ đầu tư tại Nhà máy điện, phải áp dụng tất cả các biện pháp phòng cháy chữa cháy cần

thiết, trang bị và bằng chi phí của Nhà thầu duy trì các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy lưu động mà Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư cho là cần thiết, và tuân theo mọi quy định hiện hành của Luật pháp Việt Nam về phòng chống cháy nổ.

- Nhà thầu sẽ phải bồi thường và không gây tổn hại đến Chủ đầu tư đối với mọi thiệt hại hoặc tổn thất do hậu quả cháy gây ra và Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại và tổn thất trong khu vực Nhà thầu chịu trách nhiệm, gồm cả khu vực của Nhà thầu phụ.

d. Bảo vệ môi trường

- Nhà thầu phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường (cả khu vực trong Nhà máy và tại lán trại) để giới hạn thiệt hại và ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và do các hoạt động của Nhà thầu.

- Nhà thầu có trách nhiệm báo trước cho chủ đầu tư biết nếu có ý định đem hóa chất độc hại hay các nguồn chứa hóa chất vào nhà máy. Cần phải nêu rõ tên hóa chất, chủng loại, mức độ nguy hiểm, và các biện pháp an toàn áp dụng khi sử dụng hóa chất đó.

- Nhà thầu phải đảm bảo thao tác an toàn, không để rò rỉ hóa chất gây ảnh hưởng tới con người và môi trường xung quanh, phải có kế hoạch sử dụng và lưu trữ hợp lý, tránh xảy ra tai nạn liên quan tới hóa chất đang sử dụng hoặc tạm thời không sử dụng.

- Khi không cần sử dụng nữa, hóa chất độc hại phải được nhanh chóng đưa ra khỏi khu vực thao tác; hóa chất thải cần được thu gom đúng quy định, quản lý chặt chẽ.

- Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp, vệ sinh hiện trường hàng ngày trong toàn bộ quá trình đại tu. Rác thải trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa sẽ được Nhà thầu gom vào thùng rác và/hoặc nơi do Chủ đầu tư quy định. Quy trình thu gom và xử lý chất thải cần được thống nhất trước khi thực hiện công việc.

- Rác thải độc hại thải ra trong quá trình thực hiện công việc phải được thu gom vào thùng chứa riêng và bàn giao lại cho Chủ đầu tư sau khi hoàn thành công việc.

- Chủ đầu tư cần được thông báo và xin ý kiến trong các trường hợp còn nghi ngại về các phân loại một loại rác thải nào đó.

- Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư nếu xảy ra rò rỉ chất thải hay sự cố tương tự. Bất cứ sự rò rỉ dầu nào đều cần được xử lý ngay lập tức. Nhà thầu cần xây dựng sẵn phương án xử lý khi xảy ra rò rỉ hay tràn dầu và trình Chủ đầu tư phê duyệt.

- Nghiêm cấm xả dầu thải hay bất cứ chất thải ô nhiễm nào khác vào cống, kênh thoát nước, hồ nước thải... Tất cả dầu thải cần được phân loại và chứa trong thùng chứa thích hợp, thu gom đến địa điểm tập kết do Chủ đầu tư quy định.

- Nhà thầu, trong khả năng và phạm vi trách nhiệm của mình, cần đảm bảo thiết lập và duy trì trong suốt thời gian thao tác một môi trường và không gian làm việc an toàn và không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động.

- Nhà thầu cần thông báo nếu định sử dụng máy móc hay thiết bị tạo tiếng ồn lớn hơn 80 dB. Trong trường hợp đó, Nhà thầu cần có biện pháp cách âm thích hợp.

e. Danh mục thiết bị phương tiện thi công dự kiến đưa vào công trường

- Nhà thầu phải cung cấp danh mục các phương tiện thi công mà Nhà thầu dự kiến trang bị và duy trì cho các mục đích nêu trên trong biện pháp thi công, biện pháp an toàn.
- Hồ sơ đăng ký, kiểm định đối với các thiết bị, máy có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Các quy trình vận hành an toàn của thiết bị (số quyết định ban hành).

f. Giải quyết sự cố tai nạn lao động

Trong trường hợp xảy ra tai nạn lao động, Nhà thầu phải báo cáo ngay cho Chủ đầu tư và các cấp theo quy định tại Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động. Nhà thầu và/hoặc Nhà thầu phụ sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bất kỳ tai nạn lao động nào xảy ra trong quá trình thực hiện công việc và sẽ chịu mọi trách nhiệm theo quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam.

2.1.3. Yêu cầu về công tác quản lý chất lượng công tác lắp đặt thử nghiệm

- Cung cấp bản tiến độ thi công chi tiết các hạng mục, tiến độ thi công tổng thể hợp lý. Có biểu đồ huy động nhân lực, vật liệu, thiết bị. Có cam kết bảo đảm tiến độ thi công.
- Cung cấp phương tiện thi công như máy móc, thiết bị (số lượng, chủng loại, chất lượng và khả năng huy động) phù hợp với điều kiện tại Nhà máy.
- Cung cấp biện pháp tổ chức thi công, sơ đồ tổ chức thi công, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp đảm bảo chất lượng công trình, bảo hành.
- Cung cấp biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường và PCCN.

2.1.4. Yêu cầu về công tác thí nghiệm, hiệu chỉnh và nghiệm thu bàn giao

a. Yêu cầu về các bước nghiệm thu:

Bao gồm các công tác như sau:

- Nghiệm thu hàng hóa trước khi thi công lắp đặt:
 - + Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra, thử nghiệm vật tư, thiết bị đầu vào trước khi lắp đặt. Những vật tư, thiết bị không đạt yêu cầu sẽ trả lại nhà thầu để cấp lại theo yêu cầu của hợp đồng;
- Nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị:
 - + Nhà thầu chịu trách nhiệm lập và trình Chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn (từng phần) đối với công tác lắp đặt tĩnh thiết bị;
 - + Chủ đầu tư nghiệm thu các công việc, hạng mục/thiết bị hoàn thành khi các công việc, hạng mục/thiết bị do Nhà thầu thi công lắp đặt thiết bị đã đảm bảo chất lượng theo quy định;

24

- + Căn cứ nghiệm thu là các bản vẽ thiết kế của Nhà chế tạo thiết bị (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm, kiểm định

b. Nghiệm thu chạy thử thử nghiệm:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm lập và trình Chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn (từng phần) đối với từng công tác chạy thử nghiệm hệ thống;
- Chủ đầu tư nghiệm thu từng công tác chạy thử nghiệm hệ thống hoàn thành do Nhà thầu thực hiện đã đảm bảo chất lượng theo quy định;
- Căn cứ nghiệm thu là các bản vẽ thiết kế của Nhà chế tạo thiết bị (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm, kiểm định, kết quả chạy thử nghiệm hệ thống,

c. Vận hành thử nghiệm 72 giờ:

- Sau khi hoàn tất các thử nghiệm các thiết bị liên quan phải đưa vào vận hành thử nghiệm 72 giờ (*trong trường hợp máy biến áp mang tải*) trước khi bàn giao chính thức cho chủ đầu tư. Vận hành thử nghiệm 72 giờ phải được tiến hành dưới sự giám sát và chịu trách nhiệm của nhà thầu.

d. Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng:

- Chủ đầu tư kiểm tra nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng trên cơ sở các yêu cầu kỹ thuật. Hệ thống thiết bị vận hành không ổn định, tin cậy thì nhà thầu phải thực hiện lắp đặt, hiệu chỉnh lại. Chi phí kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu thực hiện.

2.1.5. Yêu cầu về công tác Bảo hành, bảo dưỡng sửa chữa

a. Thời gian bảo hành

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp NMNĐ Vũng Áng 1 trong thời gian **12 tháng**, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa hệ thống vào sử dụng.
- Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 10 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

b. Biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hành

- Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào Nhà thầu phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng.
- Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa xử lý thì Nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.
- Để đảm bảo tiến độ, chất lượng khắc phục các khiếm khuyết bảo hành, yêu cầu Nhà

thầu nêu biện pháp tổ chức thực hiện trong HSDT.

c. Bảo dưỡng sửa chữa:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa cho hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp NMNĐ Vũng Áng 1 trong thời gian 03 năm kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa hệ thống vào sử dụng, đảm bảo hệ thống giám sát vận hành tin cậy và ổn định.

2.1.6. Yêu cầu về tài liệu bàn giao cho Chủ đầu tư:

Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau cho Chủ đầu tư bao gồm:

- Thuyết minh kỹ thuật, hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng, các sơ đồ nguyên lý phù hợp với chức năng yêu cầu của hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp NMNĐ Vũng Áng 1.
- Bản vẽ thiết kế thi công bao gồm:
 - + Bản vẽ đấu nối phần điện bên trong của hệ thống, bản vẽ nguyên lý và đấu nối với bên ngoài;
 - + Bản vẽ chi tiết sơ đồ nguyên lý làm việc (Schematic diagram) và sơ đồ đấu dây (wiring diagram) phát hành bởi hãng sản xuất (hoặc nhà phân phối được ủy quyền của hãng tại Việt Nam) hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biến áp NMNĐ Vũng Áng 1;
 - + Bản vẽ kích thước, bố trí các tủ;
 - + Bảng liệt kê thiết bị (phải có đầy đủ ký mã hiệu, thông số kỹ thuật, hãng sản xuất);
- Bản vẽ hoàn công sau khi hoàn thành lắp đặt, thử nghiệm;

2.1.7. Yêu cầu về đào tạo chuyển giao công nghệ:

- **Đào tạo cơ bản:**
 - + Nội dung đào tạo: Đào tạo về cài đặt, cấu hình hệ thống giám sát máy biến áp; đào tạo về sử dụng, phân tích, đánh giá hệ thống giám sát máy biến áp;
 - + Địa điểm thực hiện: Tại NMNĐ Vũng Áng 1;
 - + Số lượng học viên: tối đa 10 người;
 - + Thời gian đào tạo: Tối thiểu 02 ngày/ khóa đào tạo;
 - + Tài liệu: 01 USB chứa file mềm đào tạo, các phần mềm của hệ thống;
 - + Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh (phải có phiên dịch sang Tiếng Việt).

Phần 3. YÊU CẦU VỀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 17. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 18. Hợp đồng

Mẫu số 19. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 20. Bảo lãnh tiền tạm ứng

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu: ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được lựa chọn]* với giá hợp đồng là: ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;
- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 20 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Khoản 5.1 Điều 5 của Mẫu số 19 Hợp đồng]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỢP ĐỒNG

(Số: ____/PVP.TM-____/202_/HHDV)

V/v: Trang bị hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản đối với máy biến áp chính T2 và máy biến áp tự dùng NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu đã ký

Hôm nay, ngày __/__/202_, chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A):

Tên chủ đầu tư: **Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà PV Power, 199 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.2221.0288; Fax: 024.2221.0388

Tài khoản: 138.208.207.770.14 tại TTGD Hội sở - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Tp Hà Nội.

Mã số thuế: 0102276173

Đại diện là Ông/Bà: _____

Chức vụ: _____

(theo Quyết định số __/QĐ-ĐLDK ngày __/__/202_)

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____; Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____ tại Ngân hàng _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là Ông/Bà: _____

Chức vụ: _____

(theo giấy ủy quyền số __/___ ngày __/__/202_)

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được diễn giải như sau:

- 1.1 **Hàng hóa và dịch vụ:** Hàng hóa và dịch vụ mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- 1.2 **Hợp đồng:** Là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản này, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
- 1.3 **Giá Hợp đồng:** Là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo Hợp đồng khi Bên B thực hiện đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ Hợp đồng của mình.
- 1.4 **Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa:** Tên tiếng Anh là Certificate of Origin, được viết tắt là C/O, là văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức thuộc nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đó.
- 1.5 **Giấy chứng nhận chất lượng:** Tên tiếng Anh là Certificate of Quality, viết tắt là C/Q, là loại giấy tờ xác nhận rằng hàng hóa có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc các tiêu chuẩn quốc tế hoặc các tài liệu có tính chất tương tự.
- 1.6 **Ngày:** Là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.7 **Tuần:** Là 07 ngày.
- 1.8 **Địa điểm bàn giao hàng hóa, thực hiện dịch vụ:** Tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh
- 1.9 **HSMT:** Hồ sơ mời thầu
- 1.10 **HSDT:** Hồ sơ dự thầu
- 1.11 **VND:** Đồng Việt Nam

Điều 2. THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG.

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng:

- 2.1 Văn bản hợp đồng (kèm theo Danh mục hàng hóa và các phụ lục);
- 2.2 Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- 2.3 Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. ĐỐI TƯỢNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

3.1 Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý mua và Bên B cam kết:

- Cung cấp cho Bên A hàng hóa với tên gọi, chủng loại, mô tả, số lượng, đặc tính kỹ thuật, ký mã hiệu và xuất xứ cụ thể được nêu rõ tại Phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng này.
- Cung cấp dịch vụ triển khai, được nêu cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm theo Hợp đồng này.

21

3.2 Tiến độ thực hiện Hợp đồng

- Hoàn thành cung cấp vật tư và dịch vụ trong vòng 20 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 4. LOẠI VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG.

4.1 Tổng giá trị hợp đồng là:

- Bằng số : _____ VND
- Bằng chữ : _____

4.2 Giá trị hợp đồng quy định.

- Giá trị hợp đồng tại Điều 4.1 trên đây đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và toàn bộ các chi phí cần thiết để Bên B thực hiện phạm vi công việc theo quy định của hợp đồng. Trường hợp chính sách của Nhà nước có sự thay đổi về mức thuế suất thuế GTGT, giá trị hàng hóa sẽ được điều chỉnh tương ứng, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

4.3 Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 5. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BẢO LÃNH BẢO HÀNH.

5.1 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh thực hiện hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:
 - + Hình thức bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Thư Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
 - + Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 03% (ba phần trăm) Giá hợp đồng.
 - + Hiệu lực: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày Bên B phát hành Bảo lãnh bảo hành cho lần thanh toán cuối cùng.
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường do lỗi của Bên B khi Bên B không hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của mình theo Hợp đồng. Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
- Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng 07 ngày mà Bên B vẫn chưa nộp cho Bên A Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A về lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian được gia hạn thêm không quá 05 ngày. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét việc chấm dứt hợp đồng với Bên B.
- 15 ngày trước ngày Bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hiệu lực mà Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm gia hạn hoặc đổi sang một Bảo lãnh thực hiện hợp đồng mới và nộp cho Bên A để bảo lãnh nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng của Bên B. Bên A có quyền rút Bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu Bên B vi phạm trách nhiệm này.
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực khi hết ngày có hiệu lực không phụ thuộc vào việc Bên A có hoàn trả bản gốc bảo lãnh cho Bên B hay không. Tuy

nhiên, trong trường hợp cần thiết, Bên B có thể yêu cầu Bên A bằng văn bản hoàn trả bản gốc. Trong trường hợp này, Bên A chậm nhất trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sẽ hoàn trả bản gốc Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên B.

- Tất cả các chi phí liên quan đến việc thiết lập và duy trì Bảo lãnh này sẽ do Bên B chịu.

5.2 Bảo lãnh bảo hành.

- Sau khi hoàn thành công việc bàn giao nghiệm thu hàng hóa và dịch vụ, Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Bên B. Bảo lãnh bảo hành bao gồm các nội dung chính sau:
 - + Hình thức bảo lãnh bảo hành: Thư Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
 - + Giá trị bảo lãnh thực hiện bảo hành: 05% (năm phần trăm) giá trị phần công việc hoàn thành.
 - + Hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh.
- Bên A có quyền rút Bảo lãnh bảo hành nếu sau thời hạn được xác định tại văn bản thông báo của Bên A mà Bên B không tiến hành sửa chữa, thay thế hàng hóa bị hư hỏng hoặc nếu Bên B không hoàn thành việc sửa chữa, thay thế hàng hóa/dịch vụ bị hư hỏng/lỗi trong thời gian hợp lý Bên A yêu cầu. Để tránh nhầm lẫn, việc rút bảo lãnh bảo hành như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
- Bảo lãnh bảo hành sẽ tự động hết hiệu lực khi đến ngày hết hiệu lực không phụ thuộc vào việc Bên A có hoàn trả bản gốc bảo lãnh cho Bên B hay không. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, Bên B có thể yêu cầu Bên A bằng văn bản hoàn trả bản gốc. Trong trường hợp này, Bên A chậm nhất trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sẽ hoàn trả bản gốc Bảo lãnh bảo hành cho Bên B.
- 15 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm gia hạn hoặc đổi sang một bảo lãnh bảo hành mới và nộp cho Bên A để bảo lãnh nghĩa vụ bảo hành của Bên B. Bảo lãnh gia hạn hoặc bảo lãnh mới có hiệu lực bằng thời gian bảo hành nêu trên tính từ ngày được gia hạn hoặc từ ngày phát hành. Trường hợp Bên B không thực hiện quy định này, Bên A có quyền xem xét rút bảo lãnh bảo hành.
- Tất cả các chi phí liên quan đến việc thiết lập và duy trì Bảo lãnh này sẽ do Bên B chịu.

Điều 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- Cung cấp cho Bên A hàng hóa và dịch vụ đáp ứng tiến độ, số lượng và chất lượng chi tiết tại Phụ lục 1 của Hợp đồng.
- Cung cấp chuyên gia.
- Cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ phục vụ thi công.
- Cung cấp máy thi công, công cụ dụng cụ thi công, đồ gá... phục vụ thi công.

- Cung cấp giàn giáo và lắp đặt theo biện pháp thi công của Bên B.
- Lập biện pháp thi công cho thiết bị/hệ thống (WPP) phải được Bên A phê duyệt trước khi thi công.
- Lập quy trình nghiệm thu (ITP).
- Lập tiến độ thi công.
- Lập sơ đồ tổ chức thi công.
- Chuẩn bị mặt bằng thi công.
- Đèn chiếu sáng tại các khu vực thi công.
- Cam kết hợp tác & thực hiện các công việc phát sinh trong quá trình thi công lắp đặt và thử nghiệm;
- Lập báo cáo tiến độ hàng ngày trình Bên A và tham gia họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với Bên A.
- Cùng Bên A thỏa thuận giải quyết các thay đổi yêu cầu phát sinh trong quá trình triển khai so với thống nhất ban đầu.
- Đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của Bên A khi sử dụng hàng hóa và dịch vụ được cung cấp theo hợp đồng này.

Điều 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- Cung cấp điện, nước thi công.
- Cho phép Bên B sử dụng các thiết bị trong workshop trong quá trình thi công (Bên B tự chuẩn bị các vật tư tiêu hao liên quan). Sau khi hoàn thiện công tác, Bên B có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng và đảm bảo các tính năng sử dụng.
- Chỉ dẫn cho Bên B các yêu cầu chung về an toàn và đặc thù cho từng khu vực.
- Tổ chức họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với Bên B.
- Cấp giấy phép làm việc.
- Bố trí học viên và phòng học để thực hiện việc đào tạo.

Điều 8. BÀN GIAO, NGHIỆM THU HÀNG HÓA

8.1 Giao nhận Hàng hóa.

- Thông báo hàng về Nhà máy: Bên B phải thông báo cho Bên A trước ba (03) ngày làm việc về thời gian dự tính Hàng hóa về nhà máy. Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đại diện của Bên A thực hiện các công tác liên quan đến việc kiểm tra, xác nhận hàng về nhà máy.
- Hàng hóa sẽ được giao cho Bên A tại địa điểm giao nhận hàng theo đúng các quy định trong Hợp đồng này trước sự chứng kiến của đại diện của Bên A và Bên B. Ngay sau khi việc giao nhận hàng kết thúc, đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B sẽ cùng ký xác nhận vào biên bản giao nhận (được lập thành 06 bản gốc, mỗi Bên giữ 03 bản) về việc nhận đầy đủ hàng hóa như đã đề cập trong Điều 3 trên đây. Mọi vấn đề phát sinh có liên quan tới chất lượng và số lượng hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng sẽ được ghi vào biên bản giao nhận và sẽ được các Bên có liên quan cùng ký xác nhận để làm bằng chứng pháp lý giải quyết các

tranh chấp (nếu có) sau này cùng với các văn bản liên quan khác như biên bản giám định hàng đồ vỡ, hàng thiếu (nếu có).

- Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hàng hóa và chứng từ đi kèm được giao đầy đủ, đại diện Bên A – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh, có trách nhiệm xem xét và cho ý kiến về tính phù hợp, hợp lệ của hàng hóa, chứng từ được giao. Thông báo cho Bên B những bất thường về hàng hóa, sự sai khác của chứng từ để Bên B giải trình, điều chỉnh, đổi hàng (nếu cần) cho phù hợp với yêu cầu hợp đồng. Việc xem xét trên bao gồm nhưng không giới hạn: thông số kỹ thuật hàng hóa; đơn vị tính hàng hóa; sự phù hợp giữa các chứng từ: hợp đồng, C/Q, C/O, tờ khai nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu trực tiếp hoặc hợp đồng mua bán với nhà cung cấp trong nước.... Trong trường hợp có sự sai khác đơn vị tính trong hợp đồng và chứng từ do nhà sản xuất cung cấp thì Bên A chỉ chấp nhận nghiệm thu hàng hóa khi hàng nhận được phù hợp về thông số kỹ thuật (khi dẫn chiếu đến bản vẽ hoặc mô tả được quy định trong hợp đồng); Hàng được giao phù hợp đúng với yêu cầu kỹ thuật của nhà máy.
- Đại diện Bên A - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh có trách nhiệm ký biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa trong vòng năm (05) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày Bên A nhận được hàng hóa và chứng từ hợp lệ đi kèm. Để tránh hiểu lầm, thời gian xem xét tính hợp lệ của hàng hóa, chứng từ của Bên A và thời gian giải trình của Bên B không được tính vào thời gian ký biên bản nghiệm thu bàn giao nêu trên.

8.2 Việc nghiệm thu hàng hóa sẽ được tiến hành theo 02 bước như sau:

- Nghiệm thu kỹ thuật: Hàng hóa đáp ứng đầy đủ đặc tính kỹ thuật, mã hiệu như quy định trong Phụ lục 1 và có Giấy Chứng nhận Chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất đủ điều kiện nghiệm thu kỹ thuật. Khi có biên bản nghiệm thu về mặt kỹ thuật, hàng hóa có đủ điều kiện để nhập kho.
- Nghiệm thu bàn giao: Hàng hóa sau khi được nghiệm thu kỹ thuật, có Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa (C/O) và các giấy tờ theo quy định Hợp đồng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sẽ được nghiệm thu bàn giao trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ liên quan.

8.3 Trong trường hợp hàng đồ vỡ, hàng thiếu, nếu cần thiết phải thuê cơ quan giám định độc lập để đánh giá tình trạng chất lượng và kỹ thuật của hàng hóa khi Hàng hóa được giao cho Bên A tại địa điểm giao nhận hàng, Bên A và Bên B sẽ bàn bạc và thống nhất bằng văn bản về việc mời một cơ quan giám định có thẩm quyền tại Việt Nam để tiến hành giám định hàng hóa, về nội dung, lịch trình giám định. Chi phí giám định sẽ do bên có lỗi chịu. Kết quả giám định tại biên bản giám định là căn cứ để xác định tình trạng, chất lượng, mức độ thiệt hại của hàng hóa cũng như xác định mức độ trách nhiệm đền bù của Bên B (nếu có).

8.4 Bên A có quyền từ chối không nhận hàng hóa (một phần hay toàn bộ) nếu hàng hóa được giao: i) Không đáp ứng đúng các đặc tính kỹ thuật đã được mô tả trong Hợp đồng; ii) Không đúng thời hạn giao hàng đã được quy định trong Hợp đồng. Mọi đề nghị sửa đổi các thông tin liên quan đến hàng hóa phải được Bên B gửi bằng văn bản và được Bên A đồng ý trước khi giao hàng hóa đó.

8.5 Quy định về C/Q



- Chấp thuận C/Q điện tử hoặc C/Q được cấp bởi văn phòng đại diện/chi nhánh của nhà sản xuất tại khu vực. Nhà thầu phải đưa thông tin đường Link để kiểm tra đối với C/Q điện tử hoặc uỷ quyền C/Q được cấp bởi văn phòng đại diện/chi nhánh của nhà sản xuất tại khu vực.

Điều 9. NGHIỆM THU BÀN GIAO HỆ THỐNG

9.1. Nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị:

- Bên B chịu trách nhiệm lập và trình Bên A kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn (từng phần) đối với công tác lắp đặt tĩnh thiết bị;
- Bên A nghiệm thu các công việc, hạng mục/thiết bị hoàn thành khi các công việc, hạng mục/thiết bị do Bên B thi công, lắp đặt đã đảm bảo chất lượng theo quy định;
- Căn cứ nghiệm thu là các bản vẽ thiết kế của Nhà chế tạo thiết bị (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận); thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm, kiểm định

9.2. Nghiệm thu chạy thử thử nghiệm:

- Bên B chịu trách nhiệm lập và trình Bên A kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn (từng phần) đối với từng công tác chạy thử nghiệm hệ thống;
- Bên A nghiệm thu từng công tác chạy thử nghiệm hệ thống hoàn thành do Bên B thực hiện đã đảm bảo chất lượng theo quy định;
- Căn cứ nghiệm thu là các bản vẽ thiết kế của Nhà chế tạo thiết bị (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận); thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm, kiểm định, kết quả chạy thử nghiệm hệ thống,
- Vận hành thử nghiệm 72 giờ: Sau khi hoàn tất các thử nghiệm các thiết bị liên quan phải đưa vào vận hành thử nghiệm 72 giờ (khi máy biến áp mang tải) trước khi bàn giao chính thức cho Bên A. Vận hành thử nghiệm 72 giờ phải được tiến hành dưới sự giám sát và chịu trách nhiệm của Bên B.

9.3. Nghiệm thu hoàn thành hệ thống đưa vào sử dụng:

- Bên A kiểm tra và nghiệm thu bàn giao hệ thống đưa vào sử dụng trên cơ sở các yêu cầu kỹ thuật. Trường hợp hệ thống thiết bị vận hành không ổn định, tin cậy thì Bên B phải thực hiện lắp đặt, hiệu chỉnh lại. Chi phí kiểm tra, thử nghiệm do Bên B thực hiện.

Điều 10. HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC TẠM ỨNG, THANH TOÁN

10.1 Tạm ứng:

Bên A sẽ tạm ứng 25% giá trị hàng hóa của hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Bên A nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- 01 bản gốc Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;
- 01 bản gốc Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 5;
- 01 bản gốc Bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cấp với số tiền tương ứng với giá trị đề nghị tạm ứng và có thời hạn kể từ ngày phát hành đến khi thu hồi hết giá trị tạm ứng.

Số tiền tạm ứng này được khấu trừ toàn bộ vào lần thanh toán đầu tiên.

10.2 Thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị của hàng hóa và dịch vụ sau khi đã trừ đi số tiền đã tạm ứng trước đó bằng hình thức chuyển khoản bằng tiền Việt Nam. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh. Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- Một (01) bản gốc Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- Một (01) bản gốc Hoá đơn Tài chính hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị Hàng hóa, dịch vụ, thuế GTGT. Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, Mã số thuế: 0102276173-007;
- Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực Giấy Chứng nhận Chất lượng (Certificate of Quality (C/Q)) của nhà sản xuất hoặc Văn phòng đại diện của Nhà sản xuất hoặc Công ty con của hãng phụ trách khu vực/ quốc gia có ủy quyền chứng nhận Hàng hóa cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này có các đặc tính kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn chế tạo sản xuất của nhà sản xuất đối với hàng hóa;
- Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa (Certificate of Origin (C/O)) do Phòng Thương mại và Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp, đối với các phần mềm CO do Nhà sản xuất cấp (cụ thể theo quy định tại Phụ lục 01 hợp đồng này);
- Một (01) bản gốc Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa được hai bên cùng ký nhận.
- Một (01) bản gốc Biên bản nghiệm thu chạy thử và bàn giao hệ thống được hai bên ký nhận;
- Một (01) bản gốc Giấy chứng nhận bảo hành của Bên B;
- Một (01) bản gốc Biên bản xác nhận hoàn thành đào tạo;
- Một (01) bản gốc Biên bản nghiệm thu Báo cáo thu thập dữ liệu giám sát và quản lý tài sản, phân tích, đánh giá, hoàn thiện báo cáo lần đầu;
- Một (01) bản gốc Bảo lãnh bảo hành theo quy định tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng;
- Một (01) bản gốc Biên bản thanh lý hợp đồng.

10.3 Bên B phải gửi bộ chứng từ thanh toán nói trên về Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh theo địa chỉ: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh, Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

10.4 Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi nhận được bộ hồ sơ chứng từ đề nghị thanh toán, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh có trách nhiệm kiểm tra và về tính phù hợp, hợp lệ của bộ chứng từ. Nếu phát hiện có sai sót, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh yêu cầu Bên B bổ sung hoặc sửa đổi bằng văn bản. Bên B có trách nhiệm giải trình, sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn thanh toán tính từ ngày Bên B gửi lại bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hoàn chỉnh được Bên A chấp thuận. Sau thời gian trên nếu Bên

A – Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tiếp tục phát hiện thêm các sai sót trong bộ chứng từ và thông báo cho Bên B thì Bên B sẽ có trách nhiệm giải trình, sửa đổi, bổ sung. Thời hạn thanh toán được tính từ ngày Bên B giao bộ hồ sơ thanh toán cho Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh nhưng không bao gồm thời gian Bên B sửa đổi, bổ sung chứng từ thanh toán.

Điều 11. PHẠT VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 11.1 Sau khi ký kết hợp đồng, hai bên sẽ thống nhất tiến độ thực hiện chi tiết của từng hạng mục công việc (đảm bảo tổng tiến độ bàn giao hàng hóa, lắp đặt chạy thử và bàn giao hệ thống không quá 140 ngày, không tính thời gian cho những công việc Bên B phải chờ do nguyên nhân phía Bên A, cụ thể như: thời gian chờ Bên A xem xét, thống nhất/chấp thuận phương án thi công/biện pháp thi công chi tiết; thời gian chờ Bên A bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công,...), tiến độ chi tiết của từng hạng mục công việc được dùng để xác định thực hiện hợp đồng có chậm hay không, và được dùng để tính Phạt thực hiện chậm hợp đồng.
- 11.2 Trường hợp Bên B chậm thực hiện tiến độ Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có thỏa thuận khác giữa các Bên bằng văn bản, Bên B phải chịu phạt một khoản tiền tương ứng với 0,5% (không phải năm phần trăm) giá trị trước thuế hạng mục chậm tiến độ cho mỗi ngày chậm, tổng số tiền phạt không quá 8% (tám phần trăm) giá trị hạng mục thực hiện chậm.
- 11.3 Bồi thường thiệt hại: Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A thì ngoài trách nhiệm chịu phạt vi phạm, Bên B phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế xảy ra cho Bên A.

Điều 12. BẢO HÀNH

- Bên B có trách nhiệm bảo hành toàn bộ hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản máy biến áp NMNĐ Vũng Áng 1 trong thời gian 12 tháng (bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ), kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa hệ thống vào vào sử dụng.
- Bảo lãnh bảo hành được thực hiện theo quy định tại Điều 5, khoản 5.2
- Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 10 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên A.
- Trong thời gian bảo hành, nếu Bên B không khắc phục được các khiếm khuyết, hư hỏng của hệ thống hoặc không thay thế kịp thời hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu trong văn bản thông báo của Bên A, Bên A sẽ tự khắc phục sửa chữa hoặc thay mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua Bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền phát sinh căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cung cấp (bao gồm cả trường hợp chi phí khắc phục vượt giá trị bảo lãnh bảo hành).

Điều 13. ĐÀO TẠO:

- Việc tổ chức đào tạo: Bên B thực hiện đào tạo và chuyển giao công nghệ cho cán bộ công nhân viên của Bên A. Chương trình đào tạo sẽ do hai bên thống nhất trong quá trình triển khai hợp đồng.

Điều 14. CAM KẾT BẢN QUYỀN VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh, bao gồm cả thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba, về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới hàng hóa, dịch vụ mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 15. CHUYỂN NHƯỢNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 15.1 Bên B không được chuyển nhượng một phần hay toàn bộ Hợp đồng cho đối tác thứ ba nếu không được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.
- 15.2 Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:
- a. Bên B vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong Hợp đồng.
 - b. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn.
 - c. Xảy ra sự kiện Bất khả kháng.
 - d. Bên B bị phá sản, giải thể.
- 15.3 Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên A bị phá sản, giải thể.
- 15.4 Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm a, b Điều 15.2, Bên A có quyền ký hợp đồng với một bên thứ ba để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt đó và Bên B sẽ phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan đến việc ký hợp đồng với bên thứ ba đó (nếu có). Ngoài ra, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Bên B phải chịu phạt không giao hàng cho phần hợp đồng không thực hiện với tỷ lệ phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị phần Hợp đồng không thực hiện.
- 15.5 Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm d Điều 15.2, Bên A không phải bồi thường các thiệt hại phát sinh của Bên B. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 16. BẢO MẬT THÔNG TIN

- 16.1 Các bên thỏa thuận không công bố, tiết lộ bất kỳ thông tin nào (dưới mọi hình thức) trong quá trình thực hiện Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba (trừ trường hợp quy định của Pháp luật).
- 16.2 Trường hợp một trong hai bên vi phạm sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật
- 16.3 Mỗi bên cam kết sẽ chỉ trao đổi các thông tin nêu trên cho các cán bộ của mình có liên quan trực tiếp đến dự án và sẽ yêu cầu mỗi cán bộ liên quan thực hiện cam kết riêng rẽ về việc bảo mật thông tin.
- 16.4 Các thông tin sau đây không được coi là đối tượng của các quy định trên:
- Là thông tin công khai vào ngày nhận hoặc sau đó trở thành thông tin công khai mà không vi phạm nghĩa vụ bảo mật này; hoặc

- Đã thuộc sở hữu của Bên nhận vào ngày nhận hoặc sau đó đã đạt được một cách hợp pháp từ người khác;
- Được phát triển độc lập bởi Bên nhận hoặc bởi nhân viên của Bên nhận mà không được tiếp cận thông tin cung cấp bởi Bên cung cấp.

Điều 17. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG.

- 17.1 Trong Hợp đồng này, Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.
- 17.2 Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do Bất khả kháng (Bên bị ảnh hưởng), Bên đó phải gửi ngay thông báo cho Bên kia về sự kiện gây nên tình trạng Bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, việc thực hiện nghĩa vụ đó bị hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất có thể sau khi Bên bị ảnh hưởng biết được tình trạng hoặc lẽ ra phải biết được về sự kiện gây ra Bất khả kháng, kèm theo bằng chứng chứng minh việc xảy ra sự kiện, tác động của sự kiện đó đối với Bên bị ảnh hưởng và các biện pháp Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng để khắc phục sự kiện.
- 17.3 Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên Bên bị ảnh hưởng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- 17.4 Bên bị ảnh hưởng sẽ được miễn các trách nhiệm về phạt và bồi thường thiệt hại do không hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi bất khả kháng. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng theo điểm c Điều 15.2.

Điều 18. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

- 18.1 Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
- 18.2 Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hà Nội, luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

Điều 19. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 19.1 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp đồng này đều phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản.
- 19.2 Những vấn đề không được quy định trong Hợp đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 19.3 Phụ lục 1 kèm theo là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng với Phụ lục 1 thì

nội dung các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng sẽ được ưu tiên thi hành.

- 19.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này.
- 19.5 Hợp đồng này được lập thành bảy (07) bản chính và có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ năm (05) bản, Bên B giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] ở _____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Khoản 5.1 Điều 5 của Mẫu số 17 Hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư số tiền [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Khoản 5.1 thuộc Điều 5 của Hợp đồng.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư]
 (sau đây gọi là Chủ đầu tư)
 [ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng mẫu].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 11 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

PHỤ LỤC 1 HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu: Trang bị hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản đối với máy biến áp chính và máy biến áp tự dùng NMNĐ Vũng Áng 1

I. Phạm vi công việc

1. Phạm vi công việc của nhà thầu:

Cung cấp, lắp đặt hệ thống giám sát máy biến áp bao gồm nhưng không giới hạn các phạm vi công việc cụ thể như sau:

– Khảo sát, xây dựng phương án thi công lắp đặt chi tiết hệ thống giám sát online và quản lý tài sản cho 02 máy biến áp.

– Cung cấp vật tư, nhân sự, công cụ dụng cụ phục vụ công tác kiểm tra, lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu hoàn thiện hệ thống giám sát online và quản lý tài sản 02 máy biến áp bao gồm các chức năng giám sát như sau:

- + Giám sát khí hòa tan trong dầu;
- + Giám sát Tan Delta và điện dung sứ xuyên cho máy biến áp chính;
- + Giám sát PD sứ xuyên cho máy biến áp chính;
- + Giám sát bộ OLTC;
- + Giám sát tải trọng máy biến áp;
- + Giám sát hệ thống làm mát;
- + Các chức năng giám sát khác như: Nhiệt độ cuộn dây.

– Thu thập dữ liệu, phân tích, đánh giá lần đầu và hoàn thiện báo cáo phân tích, đánh giá lần đầu.

– Các chức năng giám sát khác như: Nhiệt độ cuộn dây.

– Thu thập dữ liệu, phân tích, đánh giá lần đầu và lập dữ thu thập online để đưa ra để đưa ra các thông tin sau:

- + Chỉ số sức khỏe của máy biến áp;
- + Cảnh báo về các vấn đề tiềm ẩn;
- + Đề xuất các hành động vận hành/chế độ vận hành;
- + Dự báo tuổi thọ còn lại của máy biến áp.

– Đào tạo cơ bản:

+ Đào tạo về cài đặt, cấu hình hệ thống giám sát;

+ Đào tạo về sử dụng, phân tích, đánh giá hệ thống giám sát và quản lý tài sản MBA.

2. Phạm vi công việc của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư có trách nhiệm cô lập, án động máy biếp áp, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo an toàn trong quá trình công tác của nhà thầu, cụ thể như sau:

- Cô lập máy biếp áp, các thiết bị liên quan đến lắp đặt hệ thống;
- Lắp đặt giàn giáo phục vụ công tác lắp đặt hệ thống giám sát trực tuyến 02 máy biếp áp;
- Hệ thống giám sát trực tuyến và quản lý tài sản MBA theo dõi và giám sát liên tục tình trạng và các thông số của MBA đang vận hành;
- Giúp người quản lý vận hành nắm bắt được xu hướng và sự tiến triển của các hiện tượng bất thường hoặc sự cố để đưa ra phương thức vận hành phù hợp;
- Cung cấp dữ liệu để các bộ phận thí nghiệm và sửa chữa, bảo dưỡng phân tích và kết hợp với các phương pháp khác để đánh giá tình trạng cách điện, khuyết tật và nguyên nhân sự cố nhằm có hướng xử lý phù hợp.

II. Yêu cầu kỹ thuật và thông số kỹ thuật dự kiến của hệ thống giám sát và quản lý tài sản máy biếp áp

STT	Hạng mục	Thông số												
1.	Chức năng, kiểu loại	+ Giám sát trực tuyến, phân tích tình trạng khí hòa tan trong dầu máy biếp áp. + Giám sát điện dung và Tan δ sứ xuyên và phóng điện cục bộ sứ xuyên đối với máy biếp áp chính. + Giám sát bộ OLTC. + Giám sát mag tải MBA . + Giám sát hệ thống làm mát. + Giám sát nhiệt độ cuộn dây MBA. Kết nối với các hệ thống khác thông qua giao thức truyền thông IEC 61850 * Đảm bảo an ninh bảo mật												
2.	Phương pháp phân tích khí hòa tan	Sử dụng công nghệ phân tích quang phổ âm tần (Photo Acoustic Spectroscopy – PAS)												
3.	Chức năng phân tích khí	Phân tích 9 khí lồi: H ₂ , CO, CO ₂ , CH ₄ , C ₂ H ₂ , C ₂ H ₆ , C ₂ H ₄ , O ₂ , N ₂ Yêu cầu độ nhạy phân tích C ₂ H ₂ cao đảm bảo phát hiện sớm tình trạng nguy hiểm khi xuất hiện C ₂ H ₂ bên trong máy biếp áp.												
	Dải đo/độ chính xác đối với chức năng phân tích khí	<table border="1"> <tr> <td>H₂</td> <td>5÷5.000 ppm / ±5%</td> </tr> <tr> <td>CO</td> <td>1÷5.000 ppm/ ±3%</td> </tr> <tr> <td>CO₂</td> <td>20÷50.000 ppm/ ±3%</td> </tr> <tr> <td>CH₄</td> <td>2÷50.000 ppm/ ±3%</td> </tr> <tr> <td>C₂H₄</td> <td>1÷50.000 ppm/ ±3%</td> </tr> <tr> <td>C₂H₆</td> <td>1÷50.000 ppm/ ±3%</td> </tr> </table>	H ₂	5÷5.000 ppm / ±5%	CO	1÷5.000 ppm/ ±3%	CO ₂	20÷50.000 ppm/ ±3%	CH ₄	2÷50.000 ppm/ ±3%	C ₂ H ₄	1÷50.000 ppm/ ±3%	C ₂ H ₆	1÷50.000 ppm/ ±3%
H ₂	5÷5.000 ppm / ±5%													
CO	1÷5.000 ppm/ ±3%													
CO ₂	20÷50.000 ppm/ ±3%													
CH ₄	2÷50.000 ppm/ ±3%													
C ₂ H ₄	1÷50.000 ppm/ ±3%													
C ₂ H ₆	1÷50.000 ppm/ ±3%													

STT	Hạng mục	Thông số	
		C ₂ H ₂	0.5÷50.000 ppm/ ±3%
		O ₂	100÷50.000 ppm/ ±5%
		N ₂	10.000÷100.000 ppm/ ±15%
	Đo hàm lượng âm trong dầu	Dải đo: 0-100%RS Biểu diễn được dưới dạng ppm Sai số ≤5%	
	Tần suất lấy mẫu	Cho phép cài đặt với khoảng thời gian lấy mẫu khác nhau Với chế độ giám sát nhiều máy biến áp, thời gian lấy mẫu và trả kết quả tối đa là 4h/máy (3 pha).	
4.	Chức năng giám sát sứ (Chỉ áp dụng đối với máy biến chính)	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý đo: Đo điện - Kiểu sensor: Bushing Tap Adaptor - Tính toán dòng rò - Giám sát điện dung sứ xuyên - Giám sát hệ số tanδ, Δtanδ. - Điện áp vận hành - Dòng tải - Có cấu tạo kết nối an toàn với sứ xuyên - Có bảo vệ quá áp - Trở kháng tiếp đất thấp - So sánh tình trạng vận hành của sứ với 2 máy biến áp vận hành song song để giám sát tình trạng sứ - Lưới có vấn đề mất cân bằng <p>Để dàng lắp đặt, phù hợp cho cả các máy biến áp mới và máy biến áp đang vận hành, phù hợp với tất cả các thương hiệu nhà sản xuất máy biến áp.</p>	
5.	Chức năng giám sát phóng điện cục bộ sứ xuyên.	<p>Nguyên lý đo: Đo điện</p> <p>Kiểu sensor: Bushing Tap Adaptor</p> <p>Bảng thông: đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60270</p> <p>Dải điện áp rộng: 1mVpp-160Vpp</p> <p>Chế độ lấy mẫu: Lấy mẫu đồng thời trên tất cả các kênh và liên tục theo thời gian (24/7)</p> <p>Tự động ghi nhận và phân loại các xung với năng lượng lớn</p> <p>Tự động điều chỉnh mức khuếch đại 15 lần</p> <p>Có khả năng loại bỏ nhiễu theo thời gian thực với lọc vùng 3 kênh</p>	

STT	Hạng mục	Thông số
		<p>Đo lường đồng thời trên tất cả các kênh</p> <p>Xác định nguồn PD ở tại pha nào</p> <p>Tổng hợp vector</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn IEEE1434</p>
6.	Đo nhiệt độ dầu	<p>Dải đo: -10°C đến +120°C</p> <p>Loại cảm biến: PT100 dạng nam châm, gắn bên ngoài vỏ máy biến áp</p> <p>Cấp chính xác: $\pm 0.5^{\circ}\text{C}$</p> <p>Số kênh đo nhiệt độ có khả năng mở rộng đến 20 kênh</p>
7.	Giám sát hệ thống làm mát	<p>Giám sát trạng thái hoạt động của từng quạt/nhóm quạt và bơm</p> <p>Thời gian hoạt động của từng quạt/nhóm quạt và bơm.</p> <p>Giám sát hiệu suất làm mát (Rth): phản ánh hiệu quả trao đổi nhiệt của hệ thống làm mát, giúp đánh giá khả năng duy trì nhiệt độ hoạt động an toàn cho máy biến áp.</p>
8.	Giám sát bộ OLTC	<ul style="list-style-type: none"> • Giám sát số lần thao tác đóng cắt : Số lần OLTC đã thực hiện đóng cắt để điều chỉnh điện áp (Giám sát thông số này giúp theo dõi tần suất hoạt động của OLTC). • Giám sát số lần thao tác còn lại đến bảo trì: Dựa trên lịch bảo trì và số liệu về độ bền cơ học của OLTC, hệ thống ước tính số lần thao tác đóng cắt còn lại trước khi cần bảo trì định kỳ. • Giám sát tổng dòng điện tải đã đóng cắt: Tổng giá trị dòng điện đã đi qua OLTC trong các lần thao tác đóng cắt. Giám sát thông số này giúp đánh giá mức độ tải trọng mà OLTC đã phải xử lý. • Giám sát tổng dòng điện còn chịu đựng được đến bảo trì: Dựa trên đặc tính kỹ thuật của OLTC, hệ thống ước tính tổng giá trị dòng điện tối đa mà OLTC có thể chịu đựng trước khi cần bảo trì. • Giám sát Công suất tiêu thụ của bộ điều khiển động cơ. • Giám sát dòng điện của bộ điều khiển động cơ : • Giám sát thời gian vận hành

22

STT	Hạng mục	Thông số
9.	Giám sát tải máy biến áp	<ul style="list-style-type: none"> • Giám sát dòng quá tải • Tổng số lần quá tải: Số lần máy biến áp rơi vào tình trạng quá tải trong một khoảng thời gian nhất định. • Hệ số tải: Tỷ số giữa công suất trung bình của máy biến áp trong một khoảng thời gian nhất định với công suất định mức của máy; • Khả năng quá tải: Giá trị dòng điện quá tải tối đa mà máy biến áp có thể chịu đựng trong một khoảng thời gian nhất định mà không bị hư hỏng. • Thời gian quá tải khẩn cấp: Khoảng thời gian tối đa mà máy biến áp có thể hoạt động trong điều kiện quá tải để đảm bảo cấp điện cho phụ tải quan trọng. • Công suất biểu kiến: Tổng công suất của máy biến áp, bao gồm cả công suất hữu ích và công suất phản kháng. • Công suất hữu ích (Active power): Công suất điện thực sự được truyền tải đến tải để thực hiện công việc.
10.	Cảnh báo	<p>Có khả năng thiết lập các giá trị cảnh báo và báo động cũng như cảnh báo giá trị của tốc độ thay đổi từ màn hình theo dõi của thiết bị.</p> <p>Có thể tự động cảnh báo tình trạng của thiết bị khi có lỗi.</p>
11.	Tính năng của phần mềm giám sát online và quản lý tài sản	<p>+ Phần mềm tích hợp dạng WebServer, cho phép truy cập để thực hiện cài đặt, theo dõi và phân tích dữ liệu từ tất cả các loại thiết bị thông minh được kết nối trong cùng mạng LAN như: Máy tính cá nhân/Server; Laptop; Máy tính bảng; Điện thoại thông minh</p> <p>Đối với chức năng quản lý tài sản.</p> <p>+ Phần mềm sử dụng các thuật toán phân tích và mô hình toán học (như mô hình nhiệt để tính toán sự phân bố nhiệt trong MBA giúp phát hiện sớm các điểm nóng trong máy biến áp, tính toán già hóa cách điện...) để phân tích toàn bộ dữ liệu giám sát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn dữ liệu offline từ thông tin của nhãn mác máy biến áp, các thông số về điện, các bản vẽ, các biên bản thí nghiệm định kỳ, thí nghiệm đột xuất cũng như các thí nghiệm xuất xưởng của máy biến áp, dữ liệu lịch sử sự cố cũng như lịch sử vận hành, bảo trì, bảo dưỡng. - Nguồn dữ liệu online được lấy từ hệ thống giám sát và thu thập dữ liệu online của máy biến áp như dữ liệu phân tích DGA, dữ liệu giám sát phóng điện cục bộ PD, dữ liệu hệ thống giám sát sứ xuyên, dữ liệu hệ thống giám sát OLTC, hệ thống làm mát, dữ liệu nhiệt độ và các dữ liệu hệ thống phụ kiện, phụ trợ của máy biến áp

STT	Hạng mục	Thông số
		<p>Bằng việc phân tích tương quan giữa các nguồn dữ liệu, hệ thống có thể đưa ra những chẩn đoán chính xác hơn về tình trạng của máy biến áp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số sức khỏe của máy biến áp - Cảnh báo về các vấn đề tiềm ẩn - Đề xuất các hành động vận hành/chế độ vận hành - Dự báo tuổi thọ còn lại của máy biến áp <p>* Đối với chức năng giám sát online</p> <p>Phần mềm thể hiện đồ thị xu hướng, tích hợp các nút chọn nhanh các quãng thời gian 1 ngày, 1 tuần, 1 tháng, 1 năm hoặc xem tất cả.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cảnh báo trực quan + Hỗ trợ phân tích hàm lượng khí hòa tan theo các phương pháp khác nhau như Tam giác Duval, Tỷ số khí Rogers hoặc theo thành phần khí chính... + Tự động đánh giá và tình trạng của MBA theo mức độ dựa trên các tiêu chuẩn được công nhận hoặc theo cài đặt của người sử dụng. + Giám sát điện dung và tan delta, dòng điện rò của sứ xuyên, có ngưỡng cảnh báo khi giá trị bất thường. + Biểu diễn PD dưới dạng tam giác PD hoặc dạng phù hợp trực quan dễ hiểu, đánh giá và cảnh báo các hiện tượng phóng điện cục bộ. + Xuất dữ liệu phân tích sát để phân tích chuyên sâu. + Cung cấp cùng phần mềm phân tích chuyên sâu, cho phép lưu trữ dữ liệu phân tích dữ liệu offline.

III. KHỐI LƯỢNG THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ

Stt	Tên vật tư thiết bị, dịch vụ	Mã vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị cho máy biến áp chính T2				

1	Thiết bị giám sát máy biến áp	39522003	<p>Một hệ thống thiết bị giám sát DGA cho 01 tổ hợp gồm 3 máy biến áp 1 pha: Số loại khí giám sát 9 khí (H₂, CO, CO₂, CH₄, C₂H₂, C₂H₆, C₂H₄, O₂, N₂)</p> <p>Tích hợp chức năng giám sát PD cho sứ, chức năng giám sát điện dung và tan delta cho sứ xuyên 3 pha phía cao áp, giám sát bộ OLTC, giám sát hệ thống làm mát và giám sát tải máy biến áp</p> <p>Công giao tiếp: Ethernet; USB; RS232; RS485.</p> <p>Giao thức: HTTPS, MODBUS; DNP, IEC 61850...</p> <p>Vật tư cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Máy chính (1 tủ DGA, 01 tủ giám sát thông số điện) + Bộ 03 cái bushing adapter cho 3 pha + 03 dây tín hiệu 20m. + Cảm biến đo nhiệt độ (03 cái, mỗi cái lắp cho 01 MBA đơn pha) + Bẫy khí (tích hợp bên trong thiết bị) + Bộ gá xuống sàn máy biến áp <p><i>(trang bị thiết bị để thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo phạm vi công việc nêu trên như: cảm biến dòng điện giám sát quạt, bơm, cảm biến nhiệt độ giám sát hiệu suất làm mát, cảm biến dòng/điện áp đo dòng/điện áp OLTC)</i></p>	Trọn bộ	1
2	Ống dẫn dầu		<p>Cung cấp ống dẫn dầu từ máy biến áp vào tủ điều khiển và ngược lại, Fiting, cút nối đi kèm phù hợp với đường ống 1/4"</p> <p>- Van và đầu nối đi kèm phù hợp để lắp đặt toàn bộ đường ống dẫn dầu</p>	Trọn gói	1
3	Chuyển đổi FO/Ethernet		Yêu cầu chọn loại có 2 đầu vào quang Cổng Fiber Optic	Bộ	2

4	Vật tư phụ		Trọn bộ vật tư phụ lắp đặt hoàn thiện hệ thống bao gồm nhưng không giới hạn thang máng, ống luồn cáp, cáp quang, cáp tín hiệu...	Trọn gói	1
II Thiết bị cho máy biến áp tự dòng					
1	Thiết bị giám sát máy biến áp	39522010	<p>Một hệ thống thiết bị giám sát DGA cho 01 máy biến áp ba pha</p> <p>Số loại khí giám sát 9 khí (H₂, CO, CO₂, CH₄, C₂H₂, C₂H₆, C₂H₄, O₂, N₂)</p> <p>Tích hợp chức năng giám sát OLTC, hệ thống làm mát và giám sát tải máy biến áp</p> <p>Cổng giao tiếp: Ethernet; USB; RS232;RS485...</p> <p>Giao thức: HTTPS, MODBUS; DNP; IEC 61850...</p> <p>Vật tư cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Máy chính + Cảm biến đo nhiệt độ (01 cái) + Bẫy khí (tích hợp bên trong thiết bị) + Bộ gá xuống sàn máy biến áp <p><i>(trang bị thiết bị để thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo phạm vi công việc nêu trên như: cảm biến dòng điện giám sát quạt, bơm, cảm biến nhiệt độ giám sát hiệu suất làm mát, cảm biến dòng/điện áp đo dòng/điện áp OLTC)</i></p>	Trọn bộ	1
2	Ống dẫn dầu		<p>Ống dẫn dầu từ máy biến áp vào tủ điều khiển và ngược lại, Fiting, cút nối đi kèm phù hợp với đường ống ¼"</p> <p>- Van và đầu nối đi kèm phù hợp để lắp đặt toàn bộ đường ống dẫn dầu</p>	Trọn gói	1
3	Chuyển đổi FO/Ethernet		Yêu cầu chọn loại có 2 đầu vào quang Cổng Fiber Optic	Bộ	2
4	Vật tư phụ		Trọn bộ vật tư phụ lắp đặt hoàn thiện hệ thống bao gồm nhưng không giới hạn thang máng, ống luồn cáp, cáp quang, cáp tín hiệu...	Trọn gói	1
III Bộ máy tính giám sát và phần mềm					
1	Máy tính giám sát tại phòng điều khiển trung		Sử dụng chung máy tính và phần mềm đồng bộ đã được trang bị tại NMD Vũng Áng 1		

	tâm và phần mềm giám sát online và quản lý tài sản MBA				
2	Switch mạng		Sử dụng chung với nền tảng đã trang bị tại nhà máy		
IV	Dịch vụ cho MBA chính và MBA tự dùng				
1	Khảo sát thiết kế, chế tạo hệ thống		- Khảo sát, thiết kế và chế tạo hệ thống tại xưởng nhà sản xuất	Trọng gói	1
2	Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh		- Thí nghiệm chạy thử hệ thống tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 - Đưa hệ thống vào vận hành	Trọng gói	1
3	Đào tạo chuyển giao công nghệ		- Đào tạo chuyển giao công nghệ tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Trọng gói	1